



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ
DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 246/SMBĐ - CBTT

Vũng Tàu, ngày 17 tháng 04 năm 2024

V/v: Công bố báo cáo thường
niên năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

1. Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình
2. Mã chứng khoán: PSB
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp.Vũng Tàu
4. Điện thoại : 0254.3624188 Fax: 0254.3624189
5. Người thực hiện công bố thông tin : Ngô Văn Lập ĐT: 0908036456
6. Nội dung của thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình xin gửi kèm Báo cáo thường niên năm 2023 đến Quý Ủy ban và Quý Sở, đồng thời đăng tải trên trang thông tin của Công ty tại địa chỉ: www.pvsb.com.vn theo quy định.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin đã công bố.

Người công bố thông tin

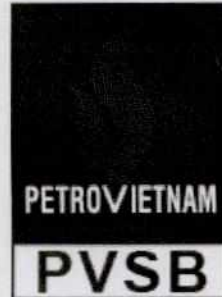
Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch HĐQT (để b/c);
- Ban KS Cty (để b/c);
- Ban GD Cty;
- Ban BT Website (để thực hiện);
- Lưu VT; NTH (scan).



Ngô Văn Lập

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ
SAO MAI - BẾN ĐÌNH (PVSB)**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**

NỘI DUNG

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát.
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.
4. Định hướng phát triển.
5. Các rủi ro.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tổ chức và nhân sự.
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.
4. Tình hình tài chính.
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
2. Tình hình tài chính.
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến của kiểm toán (nếu có).
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty và Ban Giám đốc.
2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.

1. Hội đồng quản trị.
2. Ban kiểm soát.
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán.
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát:

Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH**

Tên giao dịch đối ngoại : **SAOMAI – BENDINH PETROLEUM INVESTMENT JSC**

Giá chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số: 3500794814 (Đăng ký lần đầu ngày 07/05/2007, đăng ký thay đổi lần 10 ngày 08/11/2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp).

Vốn điều lệ : 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ đồng)

Địa chỉ trụ sở : Số 65 A3, đường 30/4, Phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT

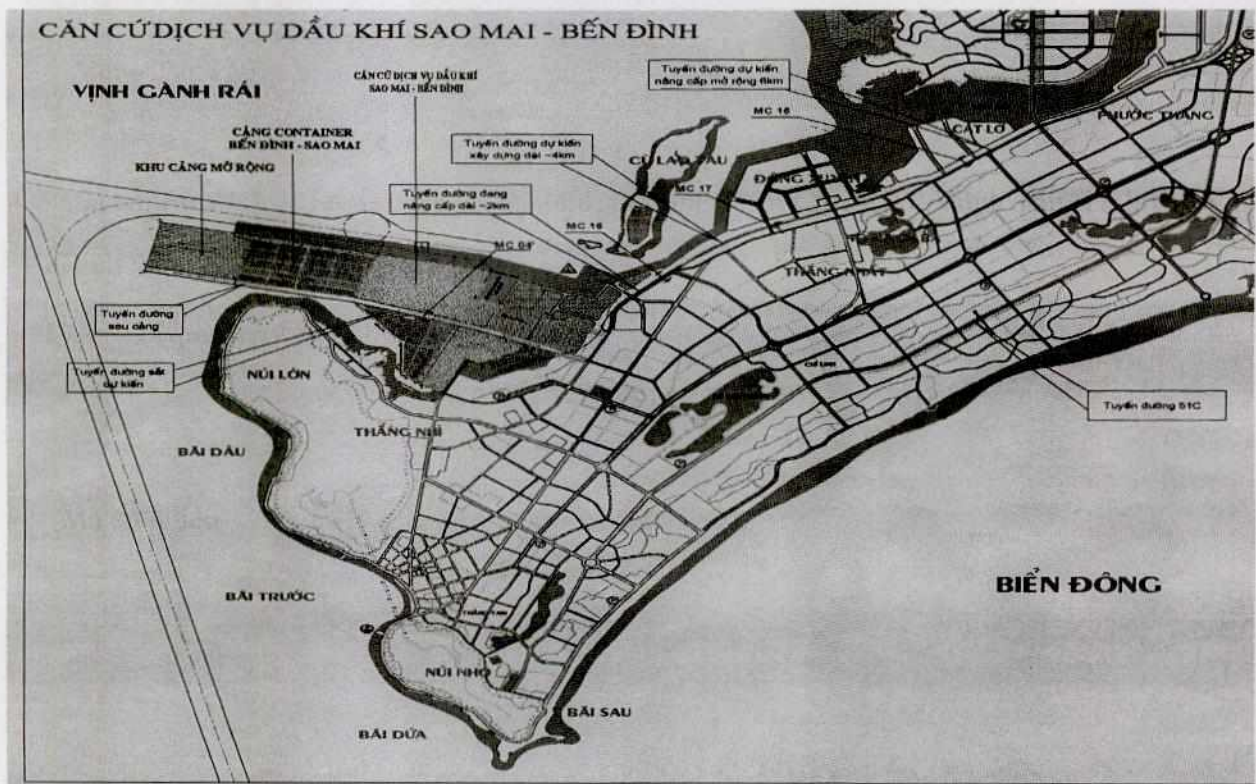
Điện thoại : 0254.3628188

Fax : 0254.3628189

Email : saomaibendinh@pvsb.com.vn

Website : www.pvsb.com.vn

Mã cổ phiếu : PSB



(Sơ đồ vị trí Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình tại Tp.Vũng Tàu)

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ) là doanh nghiệp do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các cổ đông chiến lược sáng lập, hiện nay là đơn vị thành viên của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Nhiệm vụ trọng tâm của Công ty là đầu tư, xây dựng, vận hành và khai thác Tổ hợp Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí tại khu vực Sao Mai - Bến Đình thuộc thành phố Vũng Tàu với quy mô hiện đại để phục vụ công tác thăm dò, tìm kiếm, khai thác dầu khí và thực hiện các dịch vụ dầu khí...

- 06/04/2007: Công ty được thành lập theo Nghị quyết số 1847/NQ-DKVN ngày 06/04/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.
- 24/04/2007: Đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 đã thông qua Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (SMBĐ); Phương án đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 07/05/2007: Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
- 24/03/2008: UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định thu hồi đất để bàn giao cho SMBĐ.
- 11/11/2009: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 39,8ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí PV Shipyard thuê.
- 25/12/2009: Niêm yết thành công cổ phiếu của Công ty trên sàn chứng khoán Việt Nam (UPCOM) với mã chứng khoán PSB.
- 26/04/2010: Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập *Dự án Cảng container Quốc tế Vũng Tàu và Khu hậu cần Logistics*, Công ty SMBĐ, Công ty BSPD (thuộc Vinalines) và Tập đoàn Trung Hoa Chiêu thương Cục (CMG) sau khi đàm phán đã ký kết Hợp đồng Liên doanh ngày 26/04/2010 để thành lập Công ty Cổ phần Cảng container Quốc tế Vũng Tàu với tỷ lệ tham gia SMBĐ 25%, BSPD 26% và CMHI 49%.
- 16/09/2010: Hoàn thành việc đầu tư cơ sở hạ tầng mặt bằng bãi 23,5ha và bàn giao cho Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí PVC-MS thuê.
- 01/01/2012: Hợp đồng Liên doanh hết thời hạn hiệu lực, Công ty SMBĐ đã thông báo quyết định chấm dứt Hợp đồng Liên doanh ký ngày 26/04/2010 và đã được các bên liên doanh chấp thuận theo đúng quy định.
- 16/07/2012: Thủ tướng Chính phủ cho phép chủ trương tiếp tục thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- 27/09/2012: UBND tỉnh BR - VT cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 49121000147 để thực hiện đầu tư Dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.

- 08/07/2015: Sở Tài Nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ký hợp đồng thuê đợt 1.
- 10/08/2015: Khởi công đầu tư xây dựng Dự án khu dịch vụ dầu khí 35ha (Phân kỳ I).
- 01/11/2017: Hoàn thành, nghiệm thu và đưa vào sử dụng công trình nhà văn phòng Container.
- Năm 2018: Hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng khu bãi 7ha.
- Năm 2019: Ký hợp đồng thi công cơ khí cho dịch vụ chế tạo hạ thủy và chằng buộc cọc CPP Sao Vàng cho dự án Sao Vàng Đại Nguyệt với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng Hải PTSC.
- Năm 2020: Cho thuê 960m² diện tích nhà xưởng và dịch vụ hậu cần, đồng thời chuyển toàn bộ văn phòng Container của Đội XLDV về khu bãi 7ha.
- Năm 2021: Căn cứ theo kết luận cuộc họp Chính phủ tại Văn bản số 1097/TTg – CN ngày 14/08/2020, UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã gửi văn bản số 362/SKHĐT-ĐT ngày 08/02/2021 tới Công ty SMBĐ thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ đồng ý chủ trương điều chỉnh giảm 49ha – khu vực 2 căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai Bến Đình; Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ – HDQT ngày 31/08/2021 của Hội đồng Quản trị Công ty lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh chủ trương điều chỉnh Dự án. Ngày 12/11/2021, ĐHĐCĐ Công ty đã ra Nghị quyết số 74/ NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ về việc chấp thuận chủ trương điều chỉnh dự án đầu tư Dự án: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Hiện Công ty đang thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định.
- Năm 2022: Căn cứ công văn số 745/SXD-QHKT ngày 28/02/2022 về việc giới thiệu lại địa điểm đầu tư Dự án, Sở Xây dựng giới thiệu lại địa điểm dự án sau khi điều chỉnh giảm 49 ha Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình như sau :
 - ❖ Tổng diện tích dự án : Khoảng 112,47 ha
 - ✓ Diện tích khu đất dự án : Khoảng 98,67ha
 - ✓ Tuyến đường vào : 13,8ha
 - Ngày 03/11/2022, Bộ KHĐT đã có văn bản số 7955/BKHĐT-GSTĐĐT gửi các Bộ, UBND tỉnh BRVT về việc xin ý kiến thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình,

Hiện Công ty SMBĐ đang chờ Bộ KHĐT tổng hợp ý kiến để triển khai thực hiện các bước tiếp theo.

- Năm 2023:

- Sau khi các Bộ, UBND tỉnh BR-VT, Tập đoàn DKVN có ý kiến thẩm định, ngày 02/6/2023 Bộ Kế hoạch và đầu tư có Văn bản số 4186/BKHĐT-GSTĐĐT về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Trong đó đề nghị UBND tỉnh BR-VT, chủ đầu tư giải trình bổ sung, làm rõ một số nội dung.
- Ngày 03/07/2023, Công ty đã trình Hồ sơ xin bổ sung công năng “Khai thác hàng tổng hợp” cho bến cảng Sao Mai – Bến Đình. Trên cơ sở văn bản số 3154/CHHVN-KHĐT ngày 27/7/2023 của Cục Hàng hải Việt Nam; Văn bản số 398/CMB-TKQH ngày 21/7/2023 của Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Công trình Hàng hải tham gia ý kiến đối với đề nghị bổ sung công năng khai thác hàng tổng hợp tại Bến cảng dịch vụ Dầu khí Sao Mai - Bến Đình; Văn bản số 603/SMBĐ-ĐTĐXD ngày 03/8/2023 của Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình báo cáo làm rõ công suất khai thác tại bến cảng Sao Mai - Bến Đình. Ngày 25/08/2023, Bộ GTVT đã có Văn bản số 9482/BGTVT-KHĐT về việc chấp thuận chủ trương bổ sung công năng khai thác hàng tổng hợp tại Bến cảng dịch vụ Dầu khí Sao Mai - Bến Đình trong quy hoạch chi tiết cảng biển Vũng Tàu thuộc Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển Đông Nam Bộ (Nhóm 5) giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và trong quá trình lập Quy hoạch chi tiết vùng đất, vùng nước cảng biển Vũng Tàu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo quy định.
- Công ty đã hoàn thiện dự thảo Văn bản giải trình bổ sung, làm rõ một số nội dung theo yêu cầu tại Văn bản số 4186/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/6/2023 của Bộ Kế hoạch và đầu tư.
- Sau khi các Sở/Ban/Ngành có văn bản trả lời về việc thẩm định nội dung điều chỉnh dự án Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình, ngày 11/12/2023, Sở KH & ĐT đã có văn bản số 4611/SKHĐT-ĐT gửi UBND tỉnh BRVT về việc thẩm định nội dung điều chỉnh Dự án (lần 2). UBND tỉnh BRVT đang dự thảo Văn bản giải trình bổ sung, làm rõ theo yêu cầu tại Văn bản số 4186/BKHĐT-GSTĐĐT ngày 02/6/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- 2.1. Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Bán buôn tơ, sợi, sợi dệt; Bán buôn nguyên liệu bông xơ; thuốc nhuộm; Bán buôn nguyên phụ liệu,, bao bì cho ngành dệt may; Bán buôn nhựa đường và các nguyên liệu hóa chất sản xuất phụ gia nhựa đường; Kinh doanh phân bón, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa

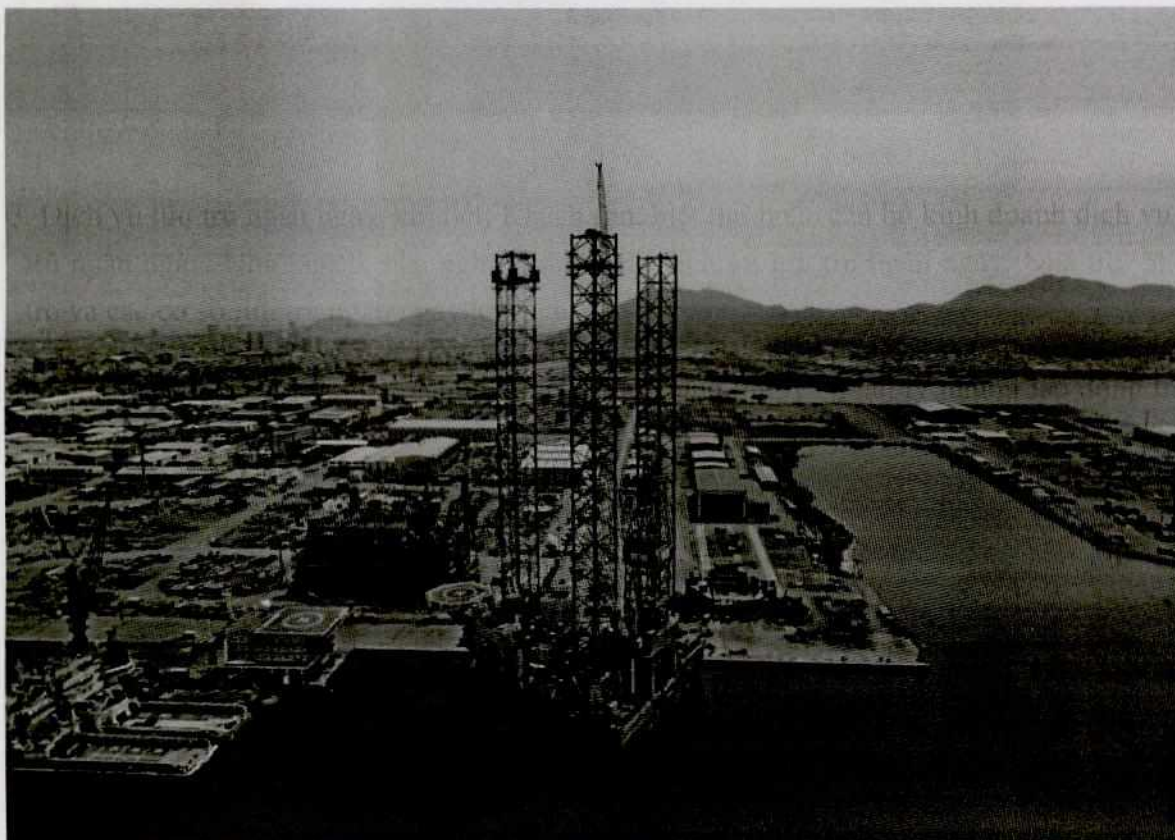
- chất sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh: Hạt nhựa polypropylen và các sản phẩm khác có liên quan;
- 2.2. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước; Xây dựng kết cấu công trình; Xây dựng công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; Xây dựng trạm bơm; Xây dựng công trình đường ống dẫn căng dầu, chất lỏng;
 - 2.3. Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình công nghiệp; Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình đường dây và TBA đến 35KV; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình đường giao thông; Giám sát công tác hoàn thiện công trình dân dụng;
 - 2.4. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai – Bến Đình, cụm cảng container; Cho thuê kho bãi; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở;
 - 2.5. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ đại lý tàu biển; Kinh doanh khai thác cảng biển (vận hành khai thác cảng);
 - 2.6. Đóng tàu và cấu kiện biển, chi tiết: Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi;
 - 2.7. Sửa chữa máy móc thiết bị, chi tiết: Sửa chữa tàu thuyền, các phương tiện nổi; Sửa chữa container; Sản xuất container;
 - 2.8. Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: Lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
 - 2.9. Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương, chi tiết: Kinh doanh vận tải đường biển;
 - 2.10. Vận tải hành khách đường thủy nội địa, chi tiết: Kinh doanh vận tải đường thủy nội địa;
 - 2.11. Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy móc khác, chi tiết: Mua bán máy móc thiết bị phục vụ cho ngành dầu khí, hàng hải;
 - 2.12. Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, chi tiết: Vận tải hàng bằng đường bộ, dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
 - 2.13. Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê các phương tiện vận tải;
 - 2.14. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
 - 2.15. Cung ứng lao động tạm thời, chi tiết: Cho thuê lại lao động;

- 2.16. Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác;
- 2.17. Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển, chi tiết: Cho thuê container; Cho thuê máy móc, thiết bị ngành công nghiệp, xây dựng, hóa chất, dầu khí không kèm người điều khiển;
- 2.18. Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại, chi tiết: Mạ, đánh bóng kim loại...; Xử lý kim loại bằng phương pháp nhiệt; Phun cát, trộn, làm sạch kim loại;
- 2.19. Bốc xếp hàng hóa, chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển, cảng sông;
- 2.20. Xây dựng nhà để ở;
- 2.21. Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan, chi tiết: Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- 2.22. Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại, chi tiết: Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa tương tự bằng kim loại để chứa hoặc phục vụ sản xuất; Sản xuất thùng chứa bằng kim loại cho nén và hóa lỏng khí đốt; Sản xuất nồi hơi trung tâm và nồi cấp nhiệt;
- 2.23. Xây dựng nhà không để ở;
- 2.24. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Cung cấp dịch vụ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo, chuẩn đo lường;
- 2.25. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên, chi tiết: Quảng lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng – căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dịch vụ chế tạo sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thử tải, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạ hạng nặng, cân;
- 2.26. Xây dựng công trình thủy, chi tiết: Xây dựng cảng;
- 2.27. Thu gom rác thải không độc hại;
- 2.28. Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, công nghiệp; Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí, kho chứa các sản phẩm dầu khí, các công trình đường ống dẫn dầu-khí-nhiên liệu;
- 2.29. Thu gom rác thải độc hại;
- 2.30. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ.
- 2.31. Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;

2.32. Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại;

2.33. Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự;

2.34. Cung ứng và quản lý nguồn lao động, chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài;



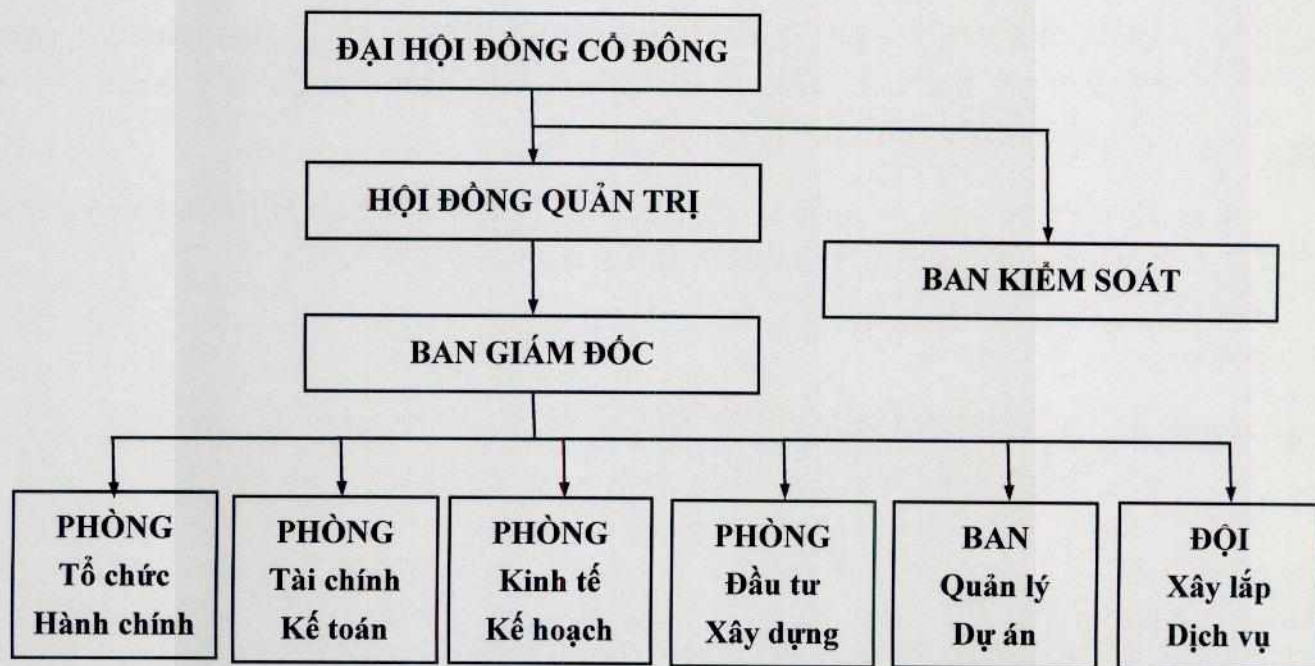
(Khu vực Cảng - Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hiện tại)

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

3.1. Mô hình quản trị:

Công ty tổ chức quản lý và hoạt động theo mô hình sau đây: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:



4. Định hướng và phát triển:

4. Với mục tiêu “Xây dựng SMBĐ trở thành công ty dịch vụ hạ tầng dầu khí, hàng hải mạnh có thương hiệu trong nước và trong khu vực, trong đó lấy việc xây dựng hạ tầng làm then chốt ...”, Công ty SMBĐ sẽ tập trung thực hiện các nhiệm vụ chiến lược sau:

4.1. Đẩy nhanh công tác xây dựng hệ thống dịch vụ căn cứ cảng và đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng để khai thác và cho thuê tại khu vực Sao Mai – Bến Đình.

4.2. Quản lý, khai thác và phát triển các dịch vụ tiện ích, cơ sở hạ tầng.

4.3. Khai thác tối đa các dịch vụ cảng, mở rộng phát triển dịch vụ hậu cần, dịch vụ tổng hợp dầu khí và các dịch vụ hỗ trợ khác.

4.4. Tập trung phát triển các loại hình dịch vụ dầu khí có hàm lượng công nghệ kỹ thuật cao, tiềm năng thị trường tốt bao gồm:

- Dịch vụ xây lắp cơ khí, chế tạo các công trình dầu khí.
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa các công trình dầu khí, các phương tiện nổi.
- Dịch vụ thu dọn, tháo dỡ các công trình dầu khí.
- Dịch vụ vận chuyển, hạ thủy các kết cấu siêu trường siêu trọng.
- Dịch vụ thương mại dầu khí.
- Dịch vụ cung ứng nhân lực dầu khí.

4.5. Tập trung đào tạo, xây dựng, duy trì và phát triển nguồn nhân lực đáp ứng tốt yêu cầu phát triển theo từng giai đoạn của Công ty.

4.6. Hoàn thiện hệ thống quản lý tiên tiến trong Công ty đảm bảo sự điều hành thống nhất, đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

4.7. Tăng cường tìm kiếm và mở rộng mối quan hệ hợp tác với các đối tác chiến lược, đặc biệt là các đối tác nước ngoài nhằm tận dụng tối đa lợi thế sẵn có của đối tác như kinh nghiệm, khả năng tài chính, công nghệ, thiết bị hiện đại, thị trường toàn cầu, trên cơ sở đó nâng cao lợi thế cạnh tranh của Công ty.

5. Các rủi ro:

Quản trị rủi ro trong doanh nghiệp là một quy trình được thiết lập bởi Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cán bộ quản lý có liên quan khác áp dụng trong quá trình xây dựng chiến lược doanh nghiệp thực hiện những sự vụ có khả năng xảy ra gây ảnh hưởng tới doanh nghiệp đồng thời quản lý rủi ro trong phạm vi cho phép nhằm đưa ra mức độ đảm bảo trong việc đạt được các mục tiêu của doanh nghiệp.

Đặc thù của lĩnh vực dầu khí hiện nay phải đối mặt với nhiều rủi ro vì vậy ngay từ ngày đầu thành lập, công tác quản trị rủi ro đã được Công ty đặc biệt quan tâm. Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro nghiêm ngặt. Hệ thống quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty. Các rủi ro tại Công ty được chia thành các nhóm chính sau:

- **Rủi ro trong kinh doanh:** là tất cả những yếu tố rủi ro phát sinh từ môi trường kinh doanh bên ngoài Công ty như: chính trị, xã hội, khoa học công nghệ, nhà cung cấp, khách hàng, đối thủ cạnh tranh...
- **Rủi ro trong hoạt động:** là các rủi ro về vi phạm quy định chính sách nội bộ của Công ty hoặc các hoạt động gian lận như: tham ô, mất mát, lãng phí, hư hỏng, lạm dụng, phá hoại...
- **Rủi ro tuân thủ:** là các rủi ro liên quan đến pháp luật, hay chính là những việc vi phạm các văn bản pháp luật của nhà nước...
- **Rủi ro tài chính:** là những rủi ro liên quan đến các thiệt hại có thể xảy ra đối với thị trường tài chính do sự thay đổi của các biến số tài chính: giá cả, lãi suất, tỷ giá...

Việc kiểm soát rủi ro được thực hiện theo quy trình chặt chẽ phù hợp với đặc thù công việc của Công ty, đảm bảo tuyệt đối về an toàn lao động, phòng chống cháy nổ và vệ sinh môi trường, nâng cao hiệu suất, hiệu quả lao động và tuân thủ luật pháp.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Trong năm qua, Công ty đã cố gắng bám sát các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC), PVN để tìm kiếm công việc, sau đó đưa ra

các phương án cụ thể cho việc thực hiện triển khai công việc. Công ty thực hiện nhiều giải pháp, tổ chức triển khai các chương trình hành động, huy động mọi nguồn lực, tập trung chỉ đạo điều hành một cách quyết liệt nhằm duy trì và thực hiện tốt nhất có thể các chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Chi tiết kết quả thực hiện như sau:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

TT	CÁC CHỈ TIÊU	TH năm 2022	KH năm 2023	TH năm 2023	% so với KH
1	Vốn chủ sở hữu	554,59	556,33	559,22	100
2	Vốn điều lệ	500,00	500,00	500,00	100
3	Doanh thu	190,20	190,21	192,68	101
a	<i>Doanh thu hoạt động SXKD</i>	<i>167,79</i>	<i>165,32</i>	<i>160,94</i>	<i>97</i>
-	<i>Dịch vụ cơ khí chế tạo và đóng mới CTDK</i>	<i>29,70</i>	<i>70,00</i>	<i>105,17</i>	<i>150</i>
-	<i>Dịch vụ cung cấp VTTB (thương mại)</i>	<i>14,97</i>	<i>41,67</i>	<i>12,22</i>	<i>29</i>
-	<i>Dịch vụ căn cứ kho bãi</i>	<i>5,20</i>	<i>8,65</i>	<i>5,2</i>	<i>60</i>
-	<i>Dịch vụ cấp điện, nước tại cảng</i>	<i>11,98</i>	<i>10,00</i>	<i>14,05</i>	<i>141</i>
-	<i>Dịch vụ cung ứng nhân lực khác</i>	<i>14,35</i>	<i>-</i>	<i>15,07</i>	<i>-</i>
-	<i>Phân phối khí LPG</i>	<i>91,58</i>	<i>35,00</i>	<i>4,39</i>	<i>13</i>
-	<i>Doanh thu khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>4,84</i>	<i>-</i>
b	<i>Hoạt động tài chính</i>	<i>22,31</i>	<i>24,89</i>	<i>31,37</i>	<i>126</i>
c	<i>Thu nhập khác</i>	<i>0,11</i>	<i>-</i>	<i>0,37</i>	<i>-</i>
4	Lợi nhuận trước thuế	1,90	3,06	5,52	180
5	Lợi nhuận sau thuế	1,01	1,74	4,63	266
6	Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN	1,03	0,93	2,35	253
7	Đầu tư XDCB và mua sắm PTTB				
-	Giá trị thực hiện	4,06	37,68	18,30	49
-	Giá trị giải ngân	4,61	38,37	14,28	37
7	Số lao động cuối kỳ	72	85	74	87

1.2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Tổng doanh thu năm 2023 là 192,68 tỷ đồng, đạt 101% so với kế hoạch năm. Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 5,52 tỷ đồng, đạt 180% kế hoạch năm.

Doanh thu từ hoạt động SXKD năm 2023 là 160,94 tỷ đồng, đạt 97% so với kế hoạch năm.

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Danh sách Ban điều hành:

① Ông **PHÙNG NHƯ DŨNG**
GIÁM ĐỐC CÔNG TY



+ Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
+ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị Kinh doanh, kỹ sư Cơ khí.
+ Số lượng CP sở hữu cá nhân: 12.100 cổ phiếu

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

+ 06/1991 – 05/1992: Trung tâm nghiên cứu Máy – Hà Nội.
+ 06/1992 – 06/1993: Công ty Địa Vật lý và DVĐK – Hà Nội.
+ 07/1993 – 07/1995: Đốc công – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
+ 08/1995 – 12/1999: Phó phòng, Trưởng phòng Kế hoạch Sản xuất – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
+ 01/2000 – 04/2001: Phó Giám đốc – XN Cảng Dịch vụ Dầu khí PTSC – Vũng Tàu.
+ 05/2001 – 10/2001: Quyền Giám đốc – XN Dịch vụ Vật tư Thiết bị và Nhiên liệu – VT.
+ 11/2001 – 12/2003: Trưởng ban quản lý Dự án Nhà máy Chế biến Condensate.
+ 01/2004 – 01/2006: Giám đốc - Nhà máy Chế biến Condensate.
+ 02/2006 – 03/2007: Phó Tổng giám đốc – Công ty Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ, kiêm Giám đốc XN Xăng dầu DK Vũng Tàu.
+ 04/2007 – 05/2007: Phó Tổng GD Cty TNHH 1 TV Chế biến và Kinh doanh SP Dầu mỏ.
+ 06/2007 – đến nay: Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông TRẦN ĐỨC HẠNH

PHÓ GIÁM ĐỐC



- + Sinh ngày: 03/08/1979 tại Thanh Hóa
- + Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý dự án, Kỹ sư Xây dựng.
- + Số lượng CP sở hữu cá nhân: 7 cổ phiếu

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 04/2002 – 11/2003: Công ty Xây dựng và Ứng dụng Công nghệ mới – Bộ Giao Thông Vận Tải.
- + 12/2003 – 12/2004: Xí nghiệp Xây lắp Công trình Biển – XN Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 12/2004 – 06/2005: Ban Dự án RuBy B – Xí nghiệp Liên doanh Dầu khí Vietsovetro.
- + 06/2005 – 03/2007: Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu – Công ty Chế biến và KD SP Dầu mỏ.
- + 04/2007 – 10/2007: Phó Trưởng phòng Kỹ thuật Tổng kho Xăng dầu Vũng Tàu.
- + 11/2007 – 10/2009: Trưởng phòng Đầu tư Xây dựng – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 10/2009 – đến nay: Phó Giám đốc – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình (SMBĐ).

2.2. Số lượng cán bộ, công nhân viên

Tổng số người lao động Công ty SMBĐ năm 2023 là 75 người, trong đó bao gồm 04 chức danh Lãnh đạo Công ty: Ban Giám đốc, Chủ tịch HĐQT, Kế toán trưởng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Dịch vụ thi công chế tạo cơ khí

Công ty đã tích cực bám sát tình hình diễn biến của thị trường, chủ động tham gia các hạng mục công việc mới theo xu hướng dịch chuyển năng lượng, đồng thời áp dụng nhiều giải pháp tiết giảm chi phí, rà soát giảm giá tối đa để có thể cung cấp dịch vụ thi công cơ khí với mức giá cạnh tranh nhất có thể. Công việc cụ thể như sau:

- Đã hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán hợp đồng với PTSC MC về việc thi công hạng mục Mudmat của chân đế - dự án Gallaf Batch 3 GE Jacket MC.
- Thực hiện hợp đồng chế tạo Suction Bucket cho dự án điện gió ngoài khơi Greater Changhua (PTSC/ORSTED) đúng tiến độ, hoàn thành 100% khối lượng công việc hạng mục chính, phụ lục 01 đạt 100% khối lượng công việc. Hiện đang làm hồ sơ thanh quyết

toán hợp đồng. Ước lợi nhuận hợp đồng và phụ lục đạt 101% so với lợi nhuận dự kiến trong nội dung chi tiết hợp đồng tại Tờ trình số 483A/TTr-SMBĐ ngày 22/05/2023.

- **Dịch vụ cung cấp vật tư thiết bị**

Công tác cung cấp vật tư thiết bị tiếp tục phải đối mặt với rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng khách quan của xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine đã cắt đứt nhiều tuyến đường vận chuyển quan trọng, làm chậm trễ thời gian giao hàng dẫn đến một số gói thầu phải giãn thời hạn giao hàng. Công ty hoàn thành, quyết toán các gói thầu đã ký năm 2022 và thực hiện công việc cung cấp vật tư thiết bị ký mới trong năm 2023:

- Thực hiện hợp đồng cung cấp cầu 8 tấn cho dự án RC8 ký với VSP
- Thực hiện hợp đồng cung cấp cầu 8 tấn BK cho xây dựng công trình mới lô 09-1.
- Thực hiện hợp đồng cung cấp cầu 8 tấn cho dự án BK22 lô 09-1
- Thực hiện hợp đồng Cung cấp cầu Pedestal phục vụ dự án phát triển mỏ Kinh Ngư Trắng (KNT) lô 09-1 ký với VSP.
- Thực hiện hợp đồng cung cấp phụ tùng máy phát điện 800kVA với PTSC MC.
- Thực hiện hợp đồng Local Agency Services dự án SHWE ký với HHI.
- Thực hiện hợp đồng với Express Offshore Solutions Pte Ltd (EOS- Singapore) về việc làm đại lý tàu biển và lai dắt Sà lan EOS 3306.

- **Dịch vụ Căn cứ kho bãi**

Công ty tiếp tục cung cấp dịch vụ kho bãi 63ha ổn định cho PVC MS, PV Shipyard. Căn cứ theo Chỉ đạo của Tổng Công ty PTSC tại thông báo số 1765/TB-PTSC ngày 12/12/2023 về việc kết luận của Tổng Giám đốc PTSC tại buổi kiểm tra thực địa và họp về sắp xếp mặt bằng cụm Căn cứ cảng Hạ lưu PTSC Vũng Tàu giữa Tổng Công ty và các đơn vị trong khu vực ngày 06/12/2023, Công ty SMBĐ đã đàm phán xong hợp đồng cho PTSC MC thuê bãi 6ha (thuộc bãi 7ha hiện hữu) và đang triển khai việc đàm phán, ký kết hợp đồng cho thuê bãi dài hạn diện tích 5,2ha san lấp mới với PTSC MC.

- **Dịch vụ khác (cung cấp điện, nước phụ trợ,...)**

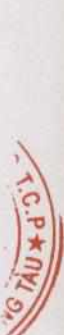
Các loại hình dịch vụ lĩnh vực này chủ yếu là việc cung cấp các dịch vụ cung cấp điện, nước cho các đơn vị thuê bãi khu Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai – Bến Đình. Doanh thu lĩnh vực này liên quan trực tiếp đến các dự án được thực hiện trên khu bãi thuê của các khách hàng thuê đất.

- **Dịch vụ cho thuê lại lao động**

Nhân lực chủ yếu cung cấp cho các Dự án của Tổng Công ty PTSC và các Dự án trong ngành dầu khí. Tổng số Người lao động cho thuê lại đến thời điểm hiện tại là 41 người.

- **Phân phối khí hóa lỏng**

Hiện tại, do có quy định mới về điều kiện cung cấp dịch vụ phân phối khí hóa lỏng nên Công ty tạm thời ngưng hoạt động dịch vụ này để hoàn thiện bổ sung thủ tục theo quy định.



3.2. Các công ty con, công ty liên kết :

Công ty SMBĐ sở hữu 1.053.000 cổ phần, chiếm 13,16% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (SOPEWACO). Từ năm 2008-2009, Công ty SOPEWACO hoạt động hiệu quả với lợi nhuận sau thuế đạt 3,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, sau khi chịu tác động nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính, đến 30/06/2017, Công ty SOPEWACO đã lỗ lũy kế là 423,56 tỷ đồng. Được sự chấp thuận của cấp có thẩm quyền, Công ty SMBĐ đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty SOPEWACO. Ngày 29/11/2021, Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai tuyên bố phá sản đối với Công ty Sopedewaco. Do đó, Công ty đã tiến hành thủ tục xử lý khoản trích lập dự phòng đầu tư tài chính vào Công ty Sopedewaco và đã yêu cầu Công ty Luật TNHH Trung Nguyễn phân công luật sư tham gia tư vấn bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty trong giai đoạn thi hành quyết định tuyên bố phá sản Sopedewaco.

4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 20223	Tỷ lệ % so với năm trước
Tổng giá trị tài sản	768.774.492.413	802.305.171.399	104,36%
Doanh thu thuần	167.791.139.133	160.937.287.509	95,92%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.068.005.495	6.254.109.767	302,42%
Lợi nhuận khác	(170.368.758)	(738.077.306)	433,22%
Lợi nhuận trước thuế	1.897.636.737	5.516.032.461	290,68%
Lợi nhuận sau thuế	1.010.444.817	4.628.840.541	458,10%
Lãi vơ bản trên cổ phiếu	18,19	83,32	458,05%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	22,34	9,30	

+ Hệ số thanh toán nhanh	22,25	9,09	
2. Chi tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,28	0,30	
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,39	0,43	
3. Chi tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho	163,81	23,81	
+ Vòng quay tổng tài sản	0,22	0,21	
4. Chi tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,006	3,029	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,002	0,008	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,0013	0,0058	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,12	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

+ Tổng số cổ phần phổ thông đang lưu hành: 50.000.000 CP

+ Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần

5.2. Cơ cấu cổ đông (tính đến ngày 31/12/2023):

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
I.	TRONG NƯỚC:		
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.500.000	51,00
2	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn tương lai	3.306.000	6,6120
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn	4.902.100	9,8042

4	Chi cục thi hành án Dân sự Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội	1.700.000	3,40
5	Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản – Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	800.000	1,60
6	Cổ đông khác trong nước	13.776.240	27,5525
II. NGOÀI NƯỚC:			
1	CHIANG LI HSIU	10.200	0,0204
2	Huỳnh Văn Thi	930	0,0019
3	JOHN DOLAN	930	0,0019
4	Kang Seuk Jeung	1.300	0,0026
5	Tanioka Hiroyasu	2.300	0,0046
TỔNG CỘNG		50.000.000	100,00

+ Danh sách cổ đông lớn:

STT	Tên cổ đông	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	25.500.000	51,000
2	Công ty Cổ phần và Dịch vụ tư vấn Tương Lai	3.306.000	13,016
3	Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Chợ Lớn	4.902.100	6,612

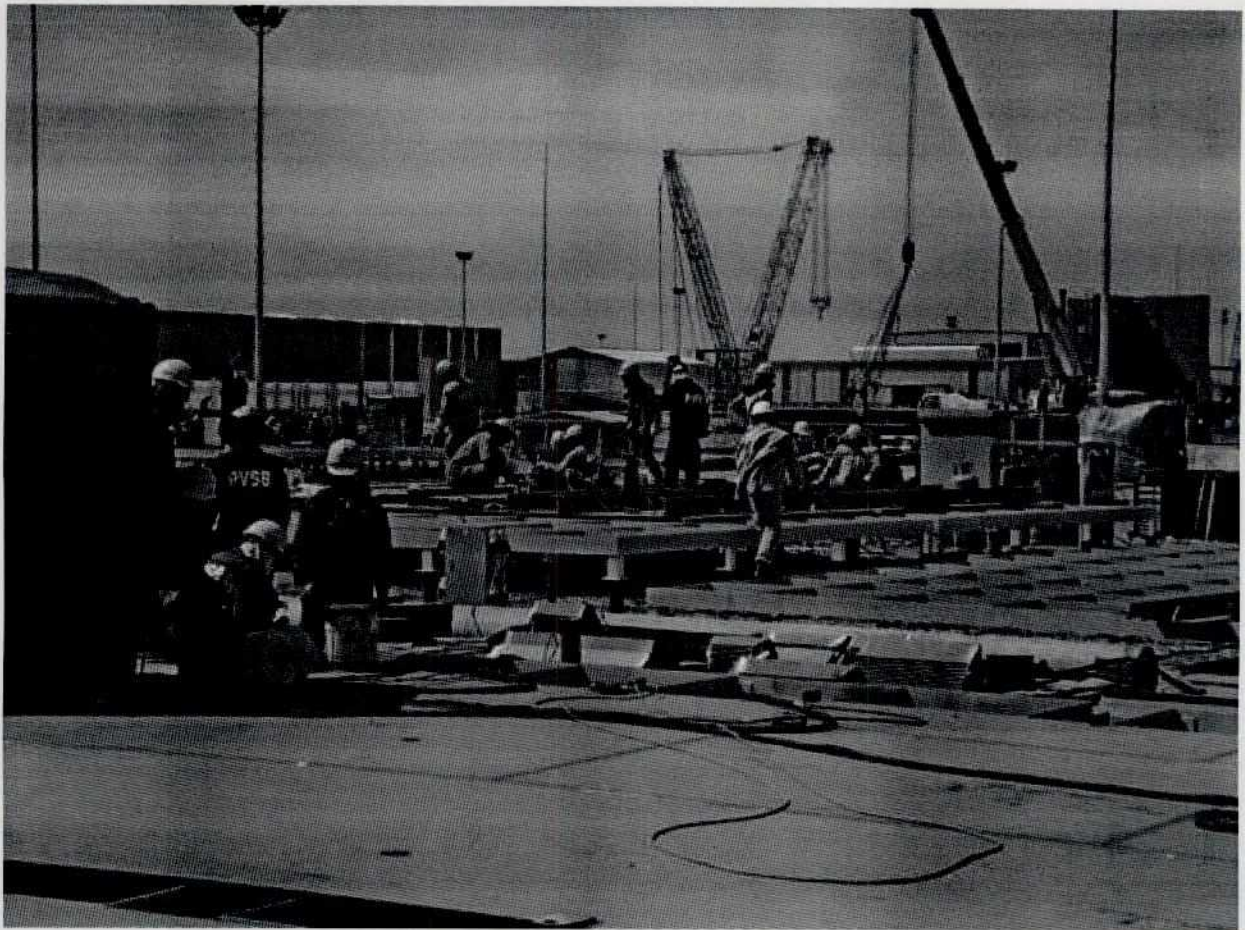
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Công ty áp dụng Hệ thống quản lý HSEQ (Chất lượng - An toàn - Sức khỏe – Môi trường) giúp định hướng việc nâng cao hiệu suất an toàn, hiệu quả lao động, tuân thủ luật pháp cho các hoạt động của Công ty. Cụ thể trong lĩnh vực quản lý dự án và thi công công trình xây dựng phục vụ ngành dầu khí phù hợp với các tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2023, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyên đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Công ty SMBĐ

đã xây dựng tích hợp các tiêu chuẩn trên và phù hợp với các quy trình, quy định của Tổng Công ty PTSC.





(Công nhân SMBĐ thi công chế tạo và lắp đặt các công trình cơ khí dầu khí đảm bảo an toàn)

bsi.



By Royal Charter

Certificate of Registration

QUALITY MANAGEMENT SYSTEM - ISO 9001:2008

This is to certify that:

SAO MAI - BEN DINH PETROLEUM INVESTMENT
JOINT STOCK COMPANY
9-11 Hoang Dieu Street,
Ward 1,
Vung Tau City,
Vietnam

Holds Certificate Number:

FS 616818

and operates a Quality Management System which complies with the requirements of ISO 9001:2008 for the following scope:

Project management and construction of oil and gas works

For and on behalf of BSI:


Gary Fenton, Global Assurance Director

Originally registered: 01/09/2011

Latest Issue: 09/08/2014

Expiry Date: 30/08/2017

Page: 1 of 1



...making excellence a habit.™

This certificate was issued electronically and remains the property of BSI and is bound by the conditions of contract.
An electronic certificate can be authenticated [online](#). Printed copies can be validated at www.bsi-global.com/ClientDirectory or telephone +84 (8) 39320 776.
Further clarifications regarding the scope of this certificate and the applicability of ISO 9001:2008 requirements may be obtained by consulting the organization.
This certificate is valid only if provided original copies are in complete set.

Information and Contact: BSI, Kitemark Court, Davy Avenue, Knowlhill, Milton Keynes MK5 8PP. Tel: + 44 845 080 9000
BSI Assurance UK Limited, registered in England under number 7805321 at 389 Chiswick High Road, London W4 4AL, UK.
A Member of the BSI Group of Companies.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Tổng quan về hoạt động của Công ty:

Trong năm 2023, tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường vẫn còn gặp nhiều khó khăn bởi tình hình chính trị, kinh tế thế giới biến động phức tạp, khó lường do xung đột quân sự giữa Nga và Ukraine kéo dài gây ảnh hưởng đến các chuỗi cung ứng toàn cầu, giá nguyên vật liệu, nhiên liệu đầu vào và chi phí vận tải tăng cao, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm. Mặc dù đã xuất hiện dấu hiệu tích cực đối với ngành dầu khí khi giá dầu có xu hướng tăng nhưng việc đầu tư các dự án thăm dò khai thác, gia tăng trữ lượng trong nước chưa có nhiều tiến triển.

Trước tình hình khó khăn hiện tại, được sự chỉ đạo quyết liệt, sát sao của Tổng Công ty và sự hợp tác hỗ trợ của các đơn vị trong ngành, đối tác, cùng sự nỗ lực, quyết tâm cao của Ban lãnh đạo, các tổ chức đoàn thể và tập thể NLD, Công ty đã duy trì ổn định nguồn công việc, hoàn thành tốt các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch SXKD đề ra trong năm 2023.

1.2. Những tiến bộ Công ty đã đạt được :

Công ty luôn nhận được sự ủng hộ, sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và sự hỗ trợ của các Ban, các đơn vị trong cùng Tổng công ty.

Công ty đã thiết lập, duy trì được nhiều mối quan hệ tốt đẹp với cơ quan chức năng, đối tác và dân xây dựng và khẳng định được thương hiệu trong lĩnh vực thi công chế tạo cơ khí, cung cấp thương mại hàng hóa, máy móc thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

2. Tình hình tài chính

2.1 Tình hình tài sản :

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
A	Tài sản ngắn hạn	515.083.662.953	493.166.182.063	
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	33.033.923.641	33.052.713.569	
II	Đầu tư tài chính ngắn hạn	347.000.000.000	417.000.000.000	
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	115.642.514.146	36.346.827.850	
IV	Hàng tồn kho	11.563.412.165	1.953.763.869	
V	Tài sản ngắn hạn khác	7.843.813.001	4.812.876.775	
B	Tài sản dài hạn	287.221.508.446	275.608.310.350	

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
I	Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000	3.000.000	
II	Tài sản cố định	76.800.018.436	66.365.744.927	
III	Bất động sản đầu tư	164.394.960.915	169.130.232.771	
IV	Tài sản dở dang dài hạn	42.248.008.793	39.159.109.988	
V	Tài sản dài hạn khác	3.775.520.302	950.222.664	
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	802.305.171.399	768.774.492.413	

2.2 Tình hình nợ phải trả:

TT	CÁC CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm	Ghi chú
I	Nợ ngắn hạn	55.371.919.034	22.077.038.088	
II	Nợ dài hạn	187.711.719.100	192.003.717.119	
	Nợ phải trả	243.083.638.134	214.080.755.207	

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Kiểm toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Giải pháp về quản lý:

- ✓ Nâng cao công tác quản lý hành chính, quản lý dự án, cải tiến hệ thống để nâng cao năng suất của Công ty, tái cơ cấu bộ máy theo hướng tinh giản, gọn nhẹ nhằm sử dụng tối ưu hóa mọi nguồn lực để giảm chi phí sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- ✓ Kiện toàn chức năng nhiệm vụ các phòng ban phù hợp với điều kiện thực tế của Công ty, thực hiện văn hóa doanh nghiệp chuyên nghiệp, văn minh để người lao động có động lực phát huy tối đa năng lực làm việc.
- **Giải pháp về thị trường:**
 - ✓ Tập trung phát triển năng lực, là đơn vị con của Tổng Công ty DVKT, tận dụng các thế mạnh như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm... để đảm nhận những công việc phức tạp và giá trị lớn.
 - ✓ Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Tổng Công ty, các đơn vị trong ngành và đặc biệt các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để tìm kiếm nguồn việc mới, kịp thời cung cấp và đáp ứng nhu cầu dịch vụ.
 - ✓ Thúc đẩy các giải pháp về nâng cao năng lực cạnh tranh, hiệu quả trong sản xuất thi công dự án để từng bước mở rộng phát triển thị trường, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi có lợi thế cạnh tranh riêng của công ty cho các khách hàng ngoài ngành.
 - ✓ Đẩy mạnh tìm kiếm, hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có năng lực phù hợp để cùng triển khai đầu tư xây dựng dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- **Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực:**
 - ✓ Tổ chức sắp xếp, phân công lao động khoa học, hợp lý, tạo sự chuyên môn hóa sâu trong lao động.
 - ✓ Hoàn thiện các cơ chế, chính sách riêng nhằm thu hút, đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao, kỷ luật nghiêm minh, gắn kết đãi ngộ với đóng góp, phát huy tính tự giác trong lao động.
- **Giải pháp về đầu tư:**
 - ✓ Tiếp tục rà soát cơ sở hạ tầng, nguồn lực hiện có của Công ty và các đơn vị trong cùng Tổng Công ty để xem xét sử dụng nguồn lực hiệu quả và tính toán đầu tư xây dựng cầu cảng đáp ứng nhu cầu thị trường cung ứng dịch vụ kho bãi hiện có của Công ty.
 - ✓ Tăng cường kiểm tra giám sát, đẩy mạnh tiến độ và quản lý đầu tư chặt chẽ theo kế hoạch.
 - ✓ Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng; thủ tục xin ưu đãi đầu tư đầu tư dự án cần tiếp tục tích cực liên hệ với cơ quan ban ngành chức năng, trên cơ sở thực hiện đúng các quy định pháp luật và quy chế, quy định của Công ty.
- **Giải pháp về tài chính:**
 - ✓ Sử dụng các công cụ quản trị rủi ro trong quản lý nguồn vốn và tài sản.
 - ✓ Tăng cường công tác quản trị, quản lý, hạch toán kinh tế và sử dụng đồng tiền, công tác thu hồi công nợ,... đảm bảo tính tự chủ và an toàn về tài chính.
 - ✓ Quản lý chặt chẽ nguồn tiền gửi, theo dõi sát sao diễn biến thị trường tài chính trong nước cũng như quốc tế để nắm bắt tình hình, có những hành động kịp thời đảm bảo tài chính cho Công ty.
- **Giải pháp về an toàn, môi trường và phát triển bền vững:**
 - ✓ Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.

- ✓ Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.
- ✓ Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

5. Giải trình của Ban giám đốc về ý kiến của kiểm toán: Không

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Không ngừng củng cố và hoàn thiện các hệ thống quản lý và kiểm soát chất lượng, an toàn, sức khỏe, môi trường, đảm bảo duy trì ổn định và ngày càng nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ của Công ty.

Liên tục tuyên truyền, quản lý hệ thống đến từng CBCNV để nâng cao ý thức an toàn trong lao động, bảo vệ môi trường, tiết kiệm chống lãng phí, hăng say trong công việc nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

Phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể quan tâm, chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty và Ban giám đốc:

Năm 2023, mặc dù đứng trước những khó khăn, thách thức nhưng Công ty đã đạt được một số kết quả khả quan nhưng còn chưa thực sự tương xứng với nguồn lực cũng như kỳ vọng và mong đợi của các cổ đông. HĐQT đánh giá trong năm qua Công ty và Ban Giám đốc cũng đã bám sát tình hình thực tế, tích cực, nỗ lực, chủ động trong công tác điều hành, quyết liệt thực hiện các giải pháp, định hướng tốt hoạt động để hoàn thành cao nhất các nhiệm vụ đã được ĐHCĐ giao, cụ thể:

- Chủ động, linh hoạt trong điều hành hoạt động SXKD. Tích cực, quyết liệt thực hiện có hiệu quả các phương án, giải pháp đề ra để hoàn thành cao nhất các chỉ tiêu kế hoạch đã được giao.
- Các nguồn lực chính của Công ty như nguồn vốn và tình hình tài chính của Công ty được duy trì ổn định, an toàn, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, luôn sẵn sàng thực hiện các nhiệm vụ của Công ty.
- Thực hiện quyết liệt và có hiệu quả các biện pháp tiết kiệm, tiết giảm tối đa chi phí của Công ty như: kiện toàn bộ máy tổ chức, cắt giảm lao động không cần thiết; rà soát, quản lý chặt chẽ chi phí...
- Tích cực trong công tác marketing, mở rộng thị trường và hoạt động kinh doanh, chủ động tìm kiếm khách hàng, nguồn việc mới trong và ngoài ngành cho Công ty.
- Đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, đổi mới tác phong doanh nghiệp nâng cao năng lực và hiệu quả của bộ máy.
- Nghiên cứu, tiếp cận và phát triển các hướng đi mới cho Công ty.
- Chế độ đãi ngộ và bảo vệ sức khỏe cho người lao động được thực hiện tốt, đảm bảo việc làm, đời sống đầy đủ.
- Bên cạnh những kết quả đạt được, Công ty và Ban Giám đốc trong thời gian tới cần lưu ý và khắc phục các vấn đề sau:

- Tiếp tục theo dõi, bám sát tình hình kinh - tế xã hội trong nước và trên thế giới nói chung, ngành dầu khí nói riêng để chủ động có các giải pháp trong hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế.
- Tối ưu hóa trong hoạt động quản lý, tổ chức, giám sát thi công và giá thành để nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả trong sản xuất, kinh doanh.
- Tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng để sớm hoàn thành các thủ tục liên quan đến đất đai, điều chỉnh dự án, ưu đãi đầu tư... của dự án Căn cứ DVHH Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- Căn cứ nhu cầu và tình hình thực tế để nghiên cứu, xem xét đẩy mạnh đầu tư cơ sở hạ tầng, bến bãi, cầu cảng, trang thiết bị phục vụ cho sản xuất và khách hàng thuê, nâng cao hiệu quả sản xuất, tăng doanh thu, lợi nhuận cho Công ty.
- Đa dạng hóa doanh thu của Công ty, tránh phụ thuộc nhiều vào các đơn vị trong ngành để hạn chế ảnh hưởng khi có biến động.
- Công tác quản lý tài chính và thu hồi công nợ cần tích cực, quyết liệt hơn, chủ động nắm bắt tình hình và đưa ra các biện pháp thu hồi để đạt hiệu quả cao.

2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Kết thúc năm 2023, trong bối cảnh tình hình ngành Dầu khí còn nhiều khó khăn, thách thức, HĐQT đã chỉ đạo, giám sát và phối hợp cùng Ban điều hành triển khai kế hoạch SXKD, đề ra chương trình hành động và nhiều giải pháp thiết thực, phù hợp để tiết giảm tối đa các chi phí, huy động các nguồn lực, mở rộng thị trường, thúc đẩy SXKD.

2.1. Về công tác tổ chức ĐHĐCĐ thường niên và các cuộc họp định kỳ của HĐQT

- HĐQT đã trực tiếp chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2023 vào ngày 20/04/2023 và ĐHĐCĐ bất thường vào ngày 26/10/2023, đồng thời triển khai thực hiện các nội dung nghị quyết, quyết định của đại hội.
- Trong năm, trên cơ sở tình hình hoạt động của Công ty, HĐQT đã tổ chức 07 cuộc họp và 07 lượt lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 07 Nghị quyết và 07 Quyết định.

2.2. Công tác chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Tổ chức chỉ đạo, kiểm tra, giám sát và đôn đốc tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023 và các nội dung đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- Chỉ đạo Ban điều hành nghiên cứu, xây dựng và đề xuất chiến lược phát triển, mở rộng lĩnh vực hoạt động SXKD phù hợp với tình hình thực tế, đẩy mạnh công tác Marketing, tăng cường sự kết nối nhằm củng cố, phát triển các mối quan hệ, hợp tác liên doanh, liên kết trong và ngoài ngành dầu khí... nhằm ký thêm được các hợp đồng, công việc, dự án mới. Bám sát các đơn vị, ban chức năng trong Tổng Công ty PTSC để được tham gia các dự án, công việc mới.
- Chỉ đạo đẩy mạnh áp dụng khoa học có hàm lượng kỹ thuật cao trong sản xuất, cải tiến quy trình lao động và các hệ thống quản lý Công ty để tăng cường khả năng cạnh tranh.
- Chỉ đạo công ty làm việc với các cơ quan chức năng để hoàn thành việc điều chỉnh dự án, tiếp tục được hưởng ưu đãi đầu tư giai đoạn khai thác cảng biển và hoàn thành các thủ tục về đất đai của dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.
- Phối hợp với Ban Kiểm soát Công ty:
- + Kiểm tra, giám sát việc huy động và sử dụng các nguồn lực của Công ty.

- + Kiểm tra độ tin cậy của số liệu Báo cáo Tài chính, báo cáo khác và các thông tin kinh tế - tài chính theo quy định hiện hành.
- + Kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu.
- + Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, đồng thời rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động theo hướng tinh gọn, hiệu quả nhất.
- + Định kỳ lập báo cáo kiểm tra, giám sát đánh giá việc tuân thủ các quy định của Tổng Công ty, Điều lệ, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Kiểm soát và các quy định của pháp luật.

2.3. Công tác nhân sự

- Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 đã phê chuẩn kết quả miễn nhiệm và bầu thành viên HĐQT, Ban kiểm soát Công ty theo nghị quyết số 154/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 26/10/2023. Đồng thời các thành viên HĐQT đã tiến hành họp và bầu Chủ tịch HĐQT Công ty theo nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 26/10/2023, cụ thể như sau:
 - + Miễn nhiệm chức vụ thành viên HĐQT đối với Ông Trần Hải Bình và bầu Ông Phạm Văn Hùng (người đại của Tổng Công ty PTSC) làm thành viên HĐQT thay thế.
 - + Miễn nhiệm chức vụ kiểm soát viên đối với Ông Nguyễn Minh Tuấn và bầu Bà Nguyễn Lệ Trà (người đại diện Tổng Công ty PTSC) làm kiểm soát viên thay thế.
 - + Các thành viên HĐQT đã tiến hành họp và thống nhất bầu Ông Phạm Văn Hùng giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty theo nghị quyết số 155/NQ-HĐQT ngày 26/10/2024.
 - + HĐQT đã quyết định cho Ông Đặng Đức Hồi – Phó Giám đốc Công ty được nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí theo quy định.

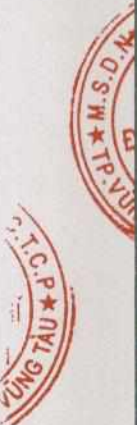
2.4. Công tác sửa đổi, bổ sung Điều lệ và hoàn thiện các văn bản quản lý, quản trị Công ty

- Trong năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành và bộ phận chức năng kiểm tra, rà soát Điều lệ, các quy chế, quy định của Công ty để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và Pháp luật hiện hành. Cụ thể, HĐQT đã trình ĐHĐCĐ ban hành Điều lệ sửa đổi, bổ sung theo quyết định số 57/QĐ-HĐQT ngày 20/04/2023 và quyết định số 193/QĐ-HĐQT ngày 21/12/2023.

2.5. Công tác quản lý vốn và Người đại diện phần vốn

- Về hoạt động tài chính: Trong năm 2023, HĐQT đã thống nhất đồng ý ủy quyền cho Giám đốc được chủ động lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tiền gửi, mua bán chứng chỉ tiền gửi, ủy thác quản lý vốn; Lựa chọn đàm phán, ký kết hợp đồng tín dụng; Cầm cố tài sản để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng theo quyết định số 19/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2023. HĐQT đánh giá Công ty đã sử dụng và quản lý nguồn tiền nhân rồi một cách an toàn, hiệu quả, mang lại lợi nhuận cho Công ty.
- Bên cạnh việc quản lý, giám sát chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn, HĐQT còn chỉ đạo Ban Giám đốc tích cực và cẩn trọng trong công tác quản lý, thu hồi công nợ đối với các khách hàng. Thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý vốn và sử dụng vốn bằng tiền, Quy chế quản lý nợ của Công ty và Tổng Công ty PTSC.
- Công tác quản lý vốn tại Công ty Sopewaco: Công ty tiếp tục theo dõi sát sao các thủ tục tiếp theo của tòa án (sau khi tuyên bố phá sản đối với Sopewaco) để đề xuất phương án xử lý, đảm bảo quyền và lợi ích tối đa cho Công ty.

2.6. Công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí



HĐQT đã ban hành và chỉ đạo, giám sát Công ty thực hiện tốt chương trình hành động thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023 theo Quyết định số 95/QĐ-HĐQT ngày 10/07/2023. Trong năm Công ty đã tiết giảm được 0,25 tỷ đồng.

2.7. Thực hiện các công việc thường xuyên của HĐQT phù hợp với chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ và phát sinh thực tế trong quá trình hoạt động SXKD của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Hội đồng Quản trị Công ty gồm 04 thành viên bao gồm 03 thành viên đại diện cho PTSC và 01 thành viên độc lập đại diện cho Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Sản xuất Thương mại Việt Anh, cụ thể:

- | | | |
|-----------------------|---------------------|--------------|
| 1. Ông Phạm Văn Hùng | - Chủ tịch HĐQT | (Kiêm nhiệm) |
| 2. Ông Phùng Như Dũng | - TV HĐQT, Giám đốc | (Kiêm nhiệm) |
| 3. Ông Trần Xuân Tài | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |
| 4. Ông Đặng Thanh Hải | - TV HĐQT | (Kiêm nhiệm) |

① Ông PHẠM VĂN HÙNG CHỦ TỊCH



Sinh ngày: 13/06/1977 tại Quảng Ngãi

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý kinh tế

Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 12/2000 - 09/2001: Nhân viên bán xăng dầu Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi
- + 10/2001 - 06/2002: Nhân viên kinh doanh Gas/Trạm trưởng trạm kinh doanh nhiên liệu: Chi nhánh Công ty Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi.
- + 07/2002 - 06/2005: Tổ trưởng Tổ điều độ Cảng Dung Quất Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí tại Quảng Ngãi.
- + 07/2005 - 10/2005: Phó Giám đốc Dự án cung cấp đá để xử lý túi bùn đê chắn sóng Dung Quất .
- + 11/2005 - 10/2007: Đội trưởng Đội Dịch vụ Cảng Dung Quất Công ty TNHH MTV Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi.
- + 11/2007 - 01/2012: Phó Giám đốc Công ty PTSC Quảng Ngãi
- + 01/2012 – 10/2022: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc Công ty PTSC Quảng Ngãi
- + 10/2022 – 04/2023: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Thành viên HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi.
- + 04/2023 – 10/2023: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi.
- + 10/2023 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty PTSC Quảng Ngãi, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

② Ông **PHÙNG NHƯ DŨNG**
THÀNH VIÊN, GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Sinh ngày: 28/01/1969 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị
Kinh doanh, Kỹ sư Cơ khí
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 12.100 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

(Xem thông tin phần Ban Giám đốc)

③ Ông **TRẦN XUÂN TÀI**
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 15/09/1981 tại Nghệ An
Trình độ chuyên môn: Đại học
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 10/2001 – 04/2004: Giảng viên, Trung tâm Tin học Ứng dụng – Mô địa chất.
- + 07/2004 – 05/2005: Thư ký kinh doanh, Công ty TNHH Thép Hanel Hà Nội.
- + 06/2005 – 09/2006: Trợ lý Giám đốc, Công ty CP Thiết bị điện Hồng Phúc.
- + 10/2006 – 07/2007: Chuyên viên, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 08/2007 – 03/2008: Tổ trưởng tổ Đầu tư Phương tiện Thiết bị, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 04/2008 – 08/2009: Phó phòng KHTS, Ban kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 09/2009 – 06/2019: Trưởng phòng Tài Sản, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.
- + 07/2019 – Nay: Phó ban, Ban Kế hoạch Đầu tư, PTSC.

④ Ông Đặng Thanh Hải
THÀNH VIÊN



Sinh ngày: 24/12/1976 tại Tiền Giang
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài
chính – Kế toán
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

+ 2013 – 2015: Giám đốc chi nhánh Bến Thành -
Ngân hàng TNHH INDOVINA

+ 2016 – Nay: Tổng Giám đốc kiêm TV HĐQT
Công ty Cổ phần An Phú

+ 2021 – Nay: Phó Giám đốc Công ty TNHH sản
xuất thương mại Việt Anh

1.2. Các tiêu ban thuộc hội đồng quản trị: Không

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Đôn đốc, chỉ đạo Ban điều hành tập trung, nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch SXKD năm 2023 đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Tích cực trong công tác marketing, nghiên cứu mở rộng thị trường, lĩnh vực hoạt động kinh doanh để tìm kiếm thêm nguồn việc mới trong và ngoài ngành. Đẩy mạnh kêu gọi tìm kiếm khách hàng và đối tác để cho thuê từng phần hoặc toàn bộ khu bãi 7ha. Chuẩn bị mọi nguồn lực sẵn sàng đầu tư phần diện tích còn lại (28ha), chuẩn bị phương án đầu tư hạ tầng, trang thiết bị... ngay khi có khách hàng.
- Tích cực phối hợp, bám sát Tổng Công ty PTSC và các đơn vị bạn để được tham gia vào các gói thầu, dự án. Chủ động rà soát, tối ưu hóa giá thành và phương thức kỹ thuật sản xuất... để tăng sức cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.
- Đẩy mạnh mối quan hệ hợp tác với các đơn vị trong Tổng Công ty PTSC và các đơn vị khác như Vietsopetro, PVGas... để tìm kiếm thêm nguồn việc mới, duy trì nguồn lực, sẵn sàng tham gia vào các dự án.
- Thường xuyên cập nhật, cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với hệ thống của Tổng công ty PTSC và nhu cầu thực tế. Khuyến khích các sáng kiến, cải tiến trong tất cả các lĩnh vực hoạt động.
- Đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả các hợp đồng ký với khách hàng. Tuyệt đối không để xảy ra mất an toàn lao động.

- Quyết liệt chỉ đạo trong công tác thu hồi công nợ, tuân thủ theo đúng quy định và quy chế của Công ty và Tổng Công ty PTSC. Duy trì nguồn vốn và các hệ số tài chính an toàn, ổn định, luôn sẵn sàng khi có công việc.
- Cập nhật và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy định quản lý nội bộ.
- Thực hiện tốt công tác chăm lo, bảo vệ sức khỏe và đời sống người lao động. Tích cực tham gia các phong trào, chương trình do Tập đoàn, Tổng công ty PTSC phát động.

1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT:

1.4.1. Ông Phạm Văn Hùng – Chủ tịch HĐQT:

- Chủ trì và tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT định kỳ và đột xuất, có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực, hiệu quả tại các cuộc họp và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Trực tiếp chỉ đạo công tác lập kế hoạch, soạn thảo tài liệu và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Thay mặt HĐQT trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện và hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát việc huy động, kinh doanh, sử dụng các nguồn lực của doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát việc tuyển dụng, sử dụng, chế độ chính sách với người lao động, rà soát kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động của Công ty.
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2023 đã được HĐQT thông qua.
- Thay mặt HĐQT chỉ đạo và thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.2. Ông Phùng Như Dũng – Thành viên HĐQT, Giám đốc

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Phối hợp cùng HĐQT chỉ đạo và tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Tổ chức thực hiện và xử lý tốt các công việc liên quan đến công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2023 đã được ĐHĐCĐ giao.
- Tổ chức, triển khai thực hiện đầy đủ, nghiêm túc và có hiệu quả các Nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của HĐQT, các quy định, quy chế của Công ty và pháp luật hiện hành.
- Chỉ đạo kiểm tra, rà soát hoàn thiện hệ thống văn bản của Công ty phù hợp với quy định hiện hành.
- Thực hiện tốt công tác lập báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của HĐQT.
- Chỉ đạo thực hiện và hoàn thành tốt chương trình tiết giảm chống lãng phí năm 2023 đã được HĐQT phê duyệt.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan.

1.4.3. Ông Đặng Thanh Hải– Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ 4/4 cuộc họp HĐQT định kỳ hàng quý, cho ý kiến đầy đủ đối với các nội dung được HĐQT lấy ý kiến bằng văn bản.
- Xem xét, biểu quyết thông qua kế hoạch, nội dung tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2023 của Công ty. Phối hợp cùng HĐQT tổ chức thành công ĐHCĐ thường niên năm 2023.
- Phối hợp cùng HĐQT đôn đốc ban Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023, hỗ trợ để Công ty hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023.
- Phối hợp theo dõi, đánh giá việc thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2023 đã được HĐQT thông qua.
- Thực hiện tốt nhiệm vụ đã được HĐQT phân công.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

1.4.4. Ông Trần Xuân Tài – Thành viên HĐQT:

- Tham gia đầy đủ và có ý kiến đóng góp, đề xuất tích cực tại các cuộc họp của HĐQT và các đợt lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.
- Tích cực phối hợp cùng HĐQT đôn đốc, hỗ trợ, đề xuất các phương án, giải pháp cho Ban điều hành triển khai thực hiện kế hoạch SXKD năm 2023 đạt hiệu quả cao.
- Phối hợp cùng HĐQT kiểm tra, giám sát và đánh giá hiệu quả đầu tư, quá trình chuẩn bị, triển khai và quyết toán các dự án đầu tư, các hoạt động đầu tư, xây dựng, đấu thầu của Công ty.
- Phối hợp cùng HĐQT theo dõi, giám sát công tác thực hiện tiết giảm chống lãng phí năm 2023 của Công ty.
- Thực hiện tốt phạm vi công việc đã được HĐQT phân công.
- Phối hợp cùng HĐQT thực hiện tốt công tác quan hệ với cổ đông, nhà đầu tư và trách nhiệm của Công ty đại chúng quy mô lớn theo đúng quy định.
- Thực hiện đúng và đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các văn bản, quy định liên quan.

2. Ban Kiểm Soát:

2.1. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát:

Bà NGUYỄN LỆ TRÀ
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT



Sinh ngày: 07/01/1982 tại Long An
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán/ cử
nhân tiếng anh.
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 2004 – 2009: Kế toán tổng hợp – Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí
- + 2009 – 2018: Kế toán trưởng – Công ty TNHH Nhiên liệu sinh học Phương Đông
- + 2018 – 2020: Kế toán tổng hợp – Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí
- + 1/2021 – 2023: Chuyên viên phòng Đầu tư tài chính và Kế toán quốc tế, Ban Tài chính – Kế toán + Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC).
- + 2023 – Nay: Chuyên viên phòng Đầu tư tài chính và Kế toán quốc tế, Ban Tài chính – Kế toán + Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC). Trưởng ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Ông NGÔ VĂN LẬP
TV. BAN KIỂM SOÁT



Sinh ngày: 15/01/1971 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC:

- + 11/1994 – 08/1997: Chuyên viên Phòng Nhập – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim.
- + 09/1997 – 07/2007: Chuyên viên Ban Xuất dầu thô – Công ty Thương Mại Dầu khí Petechim (hiện nay là Tổng Công ty PV Oil).
- + 08/2007 – 12/2011: Phó phòng Tổ chức Hành chính, Thư ký HĐQT – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 01/2012 – 04/2022: Trưởng Ban kiểm soát – Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.
- + 05/2022 – Nay: Kiểm soát viên - Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

Bà TRƯƠNG THỊ VIÊN TRÚC
TV. BAN KIỂM SOÁT



Sinh ngày: 20/11/1985 tại Phú Yên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế, cử nhân luật.
Số lượng CP sở hữu cá nhân: 0 CP

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

- + 07/2018 – 2022: Trưởng phòng Hành chính – Pháp lý, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh.
- + 07/2018 – 2022: Trưởng phòng Hành chính – Pháp lý, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Việt Anh. Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình.

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

2.2.1. Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty; Trên cơ sở chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua, Ban kiểm soát đã thực hiện các nội dung công việc chủ yếu sau:

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ Công ty; Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông; các Quy chế quản lý nội bộ, các Nghị quyết, Quyết định, Chi thị của Hội đồng quản trị Công ty;
- Kiểm tra, giám sát việc bảo toàn vốn, quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp tiết giảm chi phí;
- Thẩm định Báo cáo Tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hàng Quý, hàng Năm của Công ty;
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trong việc quản lý vốn chủ sở hữu, quản lý vốn của Công ty đầu tư vào Doanh nghiệp khác;
- Thực hiện các công tác khác theo trương trình, kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát;

- Định kỳ hằng quý lập Báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá việc tuân thủ Điều lệ, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và việc chấp hành các quy định của Pháp luật;
- Công tác kiểm tra giám sát được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời hoạt động của Công ty, giúp Công ty phát hiện khắc phục những tồn tại trong việc quản lý, điều hành và kiểm soát nội bộ.

2.2.2. Số lượng, nội dung và kết quả của các cuộc họp Ban kiểm soát:

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu	Số buổi tham dự họp BKS	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự
01	Bà Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban kiểm soát	26/10/2023	2	40%	Tham gia BKS từ 26/10/2023
02	Ông Ngô Văn Lập	Kiểm soát viên	06/04/2012	5	100%	
03	Bà Trương Thị Viên Trúc	Kiểm soát viên	15/04/2022	5	100%	

Trong năm 2023 các Thành viên Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức trách nhiệm vụ theo từng lĩnh vực được phân công, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Lệ Trà – Trưởng Ban kiểm soát:

- Đã tham gia 2 cuộc họp (tỷ lệ 40%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tổ chức hoạt động chung của Ban kiểm soát; Theo dõi, đôn đốc, triển khai thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát; Chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên Ban kiểm soát;
- Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm; Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư theo quy định;
- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát quý, năm và tổ chức triển khai thực hiện; Thay mặt Ban kiểm soát ký, ban hành các văn bản thuộc thẩm quyền để thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát;
- Thông báo kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông; Thực hiện các nhiệm vụ

khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các quy định của Luật Doanh nghiệp.

Ông Ngô Văn Lập – Kiểm soát viên:

Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;

- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công.
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

Bà Trương Thị Viên Trúc – Kiểm soát viên:

- Đã tham gia 4 cuộc họp (tỷ lệ 100%) và cho ý kiến đầy đủ về công tác kiểm tra, giám sát đối với các hoạt động, lĩnh vực của Ban kiểm soát phân công;
- Đã thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến các công việc, lĩnh vực: Công tác tài chính kế toán, quản lý dòng tiền, tính hợp lý, hợp pháp trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác của Công ty; Kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, công tác thanh toán, quyết toán vốn đầu tư và các nguồn lực khác của Công ty đúng mục đích, đúng quy định; Kiểm tra huy động vốn, vay nợ của Công ty theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;
- Kết hợp với các thành viên khác trong Ban kiểm soát trong việc kiểm tra thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

3.1.1. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập (trước thuế)
-----	-----------	-----------	--------------------	-------------------------------

1	Phạm Văn Hùng	Chủ tịch HĐQT	02 tháng	6.000.000 đồng
2	Phùng Như Dũng	Thành viên HĐQT Giám đốc	12 tháng	658.029.970 đồng
3	Đặng Thanh Hải	Thành viên HĐQT	12 tháng	36.000.000 đồng
4	Trần Xuân Tài	Thành viên HĐQT	12 tháng	36.000.000 đồng

3.1.2. Ban kiểm soát:

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Thời gian làm việc	Tổng thu nhập (trước thuế)	Ghi chú
01	Nguyễn Lệ Trà	Trưởng ban	02 tháng	0 đồng	Theo quy định của
02	Ngô Văn Lập	Thành viên	12 tháng	418.420.181 đồng	
03	Trương Thị Viên Trúc	Thành viên	09 tháng	24.000.000 đồng	

3.1.3. Giám đốc: Xem tại mục 3.1.1

3.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ:

Ông Phùng Như Dũng – Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty đã thực hiện thành công giao dịch mua 12.100 cổ phiếu mã PSB

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: KHÔNG

3.4. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ và tôn trọng pháp luật. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh và hoàn thành những mục tiêu đề ra. Năm 2023 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới đang phải đối mặt với những thách thức lớn, biến động nhanh, khó lường và tính bất ổn cao; lạm phát đã tăng lên mức cao nhất trong nhiều thập kỷ. Cạnh tranh chiến lược, địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột quân sự giữa Nga và U-crai-na; thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, mưa bão, hạn hán... đã làm gia tăng rủi ro đến thị trường tài chính, tiền tệ, an ninh năng lượng, an ninh lương thực toàn cầu. Tuy nhiên Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV Công ty luôn nỗ lực hoàn thành tốt kế hoạch năm 2023, nhờ đó mang lại lợi nhuận tối đa, tạo việc làm ổn định cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Công ty luôn tuân thủ đầy đủ, chặt chẽ các quy định pháp luật về quản trị của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn: Thực hiện lưu ký chứng khoán tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam; đăng ký giao dịch cổ phiếu trên sàn Upcom (mã cổ phiếu: PSB); thực hiện công bố thông

tin đầy đủ, kịp thời; tổ chức đầy đủ các cuộc họp Đại hội cổ đông với tỷ lệ biểu quyết cao thông qua các nội dung.

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai – Bến Đình luôn ý thức được trách nhiệm với môi trường, Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ được quan tâm kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ. Trong năm 2023, Công ty không để xảy ra trường hợp nào mất an toàn. Công ty đã hoàn thành cập nhật chuyển đổi giấy chứng nhận hệ thống ISO 9001:2008 và ISO 14001:2010 sang tiêu chuẩn ISO 9001:2015, tiêu chuẩn ISO 14001:2015.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023 :

1. Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2023: (đính kèm)

Vũng Tàu, ngày 16 tháng 4 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Công ty



Phùng Như Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ DẦU KHÍ SAO MAI - BẾN ĐÌNH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Văn Hùng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 7/9/2023)
Ông Trần Hải Bình	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 7/9/2023)
Ông Phùng Như Dũng	Thành viên	
Ông Trần Xuân Tài	Thành viên	
Ông Đặng Thanh Hải	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông Phùng Như Dũng	Giám đốc	
Ông Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01/9/2023)
Ông Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phùng Như Dũng.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc.



Phùng Như Dũng

Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2024

SỐ: 081 /VACO/BCKIT.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: Các Cổ đông; Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024, từ trang 5 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến Thuyết minh số 34, phần Thuyết minh báo cáo tài chính: tại đó Công ty trình bày việc không ghi nhận khoản nợ tiềm tàng liên quan đến tiền thuê đất từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến nay, vì Công ty cho rằng dự án Cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt được hưởng ưu đãi theo hướng dẫn tại Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 và Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2024

Nguyễn Việt Thiệu
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4244-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		515.083.662.953	493.166.182.063
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.033.923.641	33.052.713.569
1. Tiền	111		33.033.923.641	33.052.713.569
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		347.000.000.000	417.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	347.000.000.000	417.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		115.642.514.146	36.346.827.850
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	88.136.521.460	34.969.745.853
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.010.411.479	6.350.502.759
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	30.027.499.937	8.558.497.968
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(13.531.918.730)	(13.531.918.730)
IV. Hàng tồn kho	140	10	11.563.412.165	1.953.763.869
1. Hàng tồn kho	141		11.563.412.165	1.953.763.869
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.843.813.001	4.812.876.775
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	400.393.739	407.315.077
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.217.562.193	4.016.494.320
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	225.857.069	389.067.378
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		287.221.508.446	275.608.310.350
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000	3.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	3.000.000	3.000.000
II. Tài sản cố định	220		76.800.018.436	66.365.744.927
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	76.800.018.436	66.365.744.927
- Nguyên giá	222		128.418.880.251	114.484.243.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.618.861.815)	(48.118.498.299)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	-	-
- Nguyên giá	228		53.372.880	53.372.880
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.372.880)	(53.372.880)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	164.394.960.915	169.130.232.771
- Nguyên giá	231		229.280.786.454	229.280.786.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(64.885.825.539)	(60.150.553.683)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		42.248.008.793	39.159.109.988
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	42.248.008.793	39.159.109.988
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.775.520.302	950.222.664
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.775.520.302	950.222.664
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		802.305.171.399	768.774.492.413

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		243.083.638.134	214.080.755.207
I. Nợ ngắn hạn	310		55.371.919.034	22.077.038.088
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	33.698.780.366	8.621.947.591
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	2.088.752.956	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	65.934.049	61.819.493
4. Phải trả người lao động	314		4.880.050.494	1.507.758.891
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	4.781.722.258	2.048.832.709
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	20	5.203.799.784	5.203.799.784
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	4.022.813.495	3.963.080.470
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		630.065.632	669.799.150
II. Nợ dài hạn	330		187.711.719.100	192.003.717.119
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		24.609.845	-
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	20	175.460.564.144	180.664.363.928
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	22	12.150.354.635	11.263.162.715
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		76.190.476	76.190.476
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		559.221.533.265	554.693.737.206
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	559.221.533.265	554.693.737.206
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		44.351.392.969	44.351.392.969
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.870.140.296	10.342.344.237
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		10.241.299.755	9.331.899.420
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.628.840.541	1.010.444.817
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		802.305.171.399	768.774.492.413

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	160.937.287.509	167.791.139.133
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		160.937.287.509	167.791.139.133
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	153.303.482.224	162.099.124.897
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		7.633.805.285	5.692.014.236
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	31.373.733.671	22.310.630.353
6. Chi phí tài chính	22		321.025.665	320.293.788
7. Chi phí bán hàng	25	30	582.444.120	618.615.168
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	31.849.959.404	24.995.730.138
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		6.254.109.767	2.068.005.495
10. Thu nhập khác	31		370.647.502	109.766.218
11. Chi phí khác	32		1.108.724.808	280.134.976
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(738.077.306)	(170.368.758)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		5.516.032.461	1.897.636.737
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	22	887.191.920	887.191.920
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		4.628.840.541	1.010.444.817
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	83,32	18,19

Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu

Phạm Minh Vi
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.516.032.461	1.897.636.737
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	8.396.489.281	8.551.487.286
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	93.262.304	304.519.912
- (Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(30.743.180.809)	(21.602.437.747)
- Chi phí lãi vay	06	-	5.178.082
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(16.737.396.763)	(10.843.615.730)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(83.454.002.054)	(21.443.903.195)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(9.609.648.296)	(1.858.860.328)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	19.305.881.319	2.990.426.493
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(5.138.244.818)	746.595.706
- Tiền lãi vay đã trả	14	-	(5.178.082)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(140.778.000)	(96.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(95.774.188.612)	(30.511.335.136)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.421.767.706)	(4.058.077.047)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	40.580.808	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(409.000.000.000)	(505.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	479.000.000.000	495.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.195.336.991	22.612.256.928
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	95.814.150.093	8.554.179.881
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	-	(10.000.000.000)
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	10.000.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	39.961.481	(21.957.155.255)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	33.052.713.569	55.671.241.403
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(58.751.409)	(661.372.579)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	33.033.923.641	33.052.713.569


Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu


Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng


Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động tại Việt Nam dưới hình thức Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 49121000147 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 9 năm 2012 và thay đổi lần thứ nhất ngày 27 tháng 10 năm 2016 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 28 tháng 11 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 VND, tương đương 50.000.000 cổ phiếu, mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết trên Upcom với mã chứng khoán là PSB.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 74 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 72 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Khai thác cụm cảng và khu kinh tế Sao Mai - Bến Đình; Khai thác cụm cảng container;
- Sản xuất, sửa chữa và cho thuê container; Dịch vụ đại lý tàu biển; Đóng mới và sửa chữa tàu thuyền và các phương tiện nổi; lắp ráp giàn khoan và các công trình nổi phục vụ ngành dầu khí;
- Xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí; Kho chứa các sản phẩm dầu khí; Các công trình đường ống dẫn dầu, khí, nhiên liệu;
- Mua bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải;
- Kinh doanh phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh và cấm lưu thông; trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp);
- Kinh doanh vận tải đường biển, đường thủy nội địa; Vận tải hàng bằng đường bộ; Vận tải dầu thô và các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Cho thuê các phương tiện vận tải; Cho thuê kho bãi;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Thông tin so sánh là các thông tin được trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được kiểm toán và công bố.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý. Tuy nhiên, cho đến thời điểm hiện tại, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài các mục a trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành.*

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc, thiết bị	07 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	05 - 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và tài sản khác; được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm (05) năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm cơ sở hạ tầng do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, đã xuất dùng và các chi phí bảo trì, sửa chữa, dịch vụ mua ngoài khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Danh sách các bên liên quan:

Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	PTSC	Công ty mẹ
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC	PTSC - M&C	Thành viên PTSC
Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC	PTSC - Hotel	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí	PTSC - SB	Thành viên PTSC
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	PTSC - Đà Nẵng	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	PV Shipyard	Thành viên PTSC
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	PTSC - POS	Thành viên PTSC

Các thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)

<u>Tên đầy đủ</u>	<u>Tên viết tắt</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	PVN	Công ty mẹ của PTSC
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	PVC - MS	Thành viên PVN
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	DQS	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	PVC - PT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	BSR	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Kinh doanh khí Miền Nam	PV Gas South	Thành viên PVN
Chi nhánh Công ty Cổ phần Phân phối khí thấp áp Dầu khí Việt Nam - XN Phân phối khí thấp áp Miền Bắc	PV Gas D - NT	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ	PVFCCO - ĐNB	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Vũng Tàu	PVI Vũng Tàu	Thành viên PVN
Công ty Bảo hiểm PVI Phía Nam	PVI Phía Nam	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	PSI	Thành viên PVN
Công ty Cổ phần Xăng Dầu Vũng Tàu	PV Oil Vũng Tàu	Thành viên PVN

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban điều hành, quản lý và các thành viên có quan hệ mật thiết với các thành viên này

Nhân sự chủ chốt và các thành viên có quan hệ mật thiết

4. TIỀN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Tiền mặt	168.191.065	128.156.334
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	32.865.732.576	32.924.557.235
Cộng	<u>33.033.923.641</u>	<u>33.052.713.569</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	347.000.000.000	347.000.000.000	417.000.000.000	417.000.000.000
Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Chợ Lớn	65.000.000.000	65.000.000.000	25.000.000.000	25.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	85.000.000.000	85.000.000.000	-	-
Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng VP Bank	45.000.000.000	45.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Nam Á - CN.Vũng Tàu	-	-	110.000.000.000	110.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN.Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Bà Rịa - Vũng Tàu	50.000.000.000	50.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - CN.Bà Rịa Vũng Tàu	-	-	95.000.000.000	95.000.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Bà Rịa Vũng Tàu	45.000.000.000	45.000.000.000	95.000.000.000	95.000.000.000
Các ngân hàng khác	57.000.000.000	57.000.000.000	42.000.000.000	42.000.000.000

Các khoản đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm với lãi suất được hưởng từ 4,8% đến 7,5% năm.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	15.978.997.121	25.329.222.530
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn Hyundai Heavy Industries Co., Ltd	13.531.918.730	13.531.918.730
Công ty TNHH Chi tiết IKC Vũng Tàu	501.357.485	8.636.668.663
Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro	-	2.240.776.440
Khách hàng khác	1.138.183.640	919.858.697
b) Phải thu khách hàng các bên liên quan	72.157.524.339	9.640.523.323
<i>Các thành viên thuộc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC):</i>		
- Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.664.421.370	1.567.671.872
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	1.327.023.467	5.463.680.261
- Công ty CP DV Lắp Đặt, Vận Hành & Bảo Dưỡng CT	-	72.548.665
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	65.387.081.342	419.703.247
<i>Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí (PVN):</i>		
- Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	3.778.998.160	2.116.919.278
Cộng	88.136.521.460	34.969.745.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Techcrane International, Llc	10.050.982.800	5.982.269.080
Nhà cung cấp khác	959.428.679	368.233.679
Cộng	<u>11.010.411.479</u>	<u>6.350.502.759</u>

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn khác	<u>30.027.499.937</u>	<u>8.558.497.968</u>
Ký quỹ	7.500.000	70.000.000
Lãi dự thu	4.350.876.714	5.843.613.704
Tạm ứng	-	172.726.889
Doanh thu trích trước từ cung cấp dịch vụ:	25.531.099.266	2.362.961.383
i) Bên liên quan - Thành viên PTSC:		
- Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC)	23.924.303.911	-
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	-	1.357.061.109
- Công ty Cổ phần DV Lắp Đặt, Vận Hành & Bảo Dưỡng CT DK Biển PTSC	-	76.541.630
- Công ty CP Chế tạo giàn khoan Dầu khí	1.094.384.801	533.925.228
ii) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí (PVN):		
- Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	464.078.985	395.433.416
iii) Đối tượng khác:		
Techcrane International, Llc	48.331.569	-
Các khoản phải thu khác	138.023.957	109.195.992
b) Phải thu dài hạn khác	<u>3.000.000</u>	<u>3.000.000</u>
Ký quỹ	3.000.000	3.000.000
Cộng	<u>30.030.499.937</u>	<u>8.561.497.968</u>

9. NỢ XẤU

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn	13.531.918.730	-	13.531.918.730	-
Cộng	<u>13.531.918.730</u>	<u>-</u>	<u>13.531.918.730</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	781.886.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	11.482.944.818	-	1.085.174.493	-
Hàng hóa	80.467.347	-	86.703.376	-
Cộng	11.563.412.165	-	1.953.763.869	-

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là giá trị chi phí thực tế phát sinh của các dự án chế tạo, lắp đặt còn dở dang tại 31 tháng 12 năm 2023. Phần lớn chi phí dở dang này liên quan đến công trình “Chế tạo và lắp đặt Suction Bucket - Dự án điện gió (LID & SKIRT)” thực hiện cho Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC), được triển khai từ tháng 6 năm 2023.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn	400.393.739	407.315.077
Phí bảo hiểm, kiểm định	222.694.798	233.919.625
Chi phí khác	177.698.941	173.395.452
b) Dài hạn	3.775.520.302	950.222.664
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	361.682.080	211.558.902
Chi phí sửa chữa	3.130.596.801	418.782.970
Khác	283.241.421	319.880.792
Cộng	4.175.914.041	1.357.537.741

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Tại ngày 01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại ngày 31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu	389.067.378	1.076.081.562	912.871.253	225.857.069
Thuế thu nhập doanh nghiệp	219.756.995	-	-	219.756.995
Thuế thu nhập cá nhân	163.210.309	1.076.081.562	912.871.253	-
Các loại thuế khác	6.100.074	-	-	6.100.074
b) Phải nộp	61.819.493	1.277.735.391	1.273.620.835	65.934.049
Thuế xuất, nhập khẩu	-	98.566.816	98.566.816	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	65.934.049	-	65.934.049
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.052.185.535	1.052.185.535	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	61.819.493	61.048.991	122.868.484	-
Cộng	61.819.493	1.277.735.391	1.273.620.835	65.934.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	7.728.065.904	1.267.763.000	3.450.460.524	193.530.909	101.844.422.889	114.484.243.226
- Mua trong năm	-	-	1.048.012.358	31.080.000	403.000.000	1.482.092.358
- Đầu tư XDCB hoàn thành	12.613.398.576	-	-	-	-	12.613.398.576
- Phân loại lại	67.837.570.080	-	-	-	(67.837.570.080)	-
- Giảm do thanh lý	-	(95.863.000)	-	(64.990.909)	-	(160.853.909)
Tại ngày 31/12/2023	88.179.034.560	1.171.900.000	4.498.472.882	159.620.000	34.409.852.809	128.418.880.251
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	6.879.274.517	743.930.901	3.117.587.542	193.530.909	37.184.174.430	48.118.498.299
- Khấu hao trong năm	2.201.874.291	71.527.810	138.611.846	5.179.998	1.244.023.480	3.661.217.425
- Phân loại lại	7.878.379.533	-	-	-	(7.878.379.533)	-
- Giảm do thanh lý	-	(95.863.000)	-	(64.990.909)	-	(160.853.909)
Tại ngày 31/12/2023	16.959.528.341	719.595.711	3.256.199.388	133.719.998	30.549.818.377	51.618.861.815
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	848.791.387	523.832.099	332.872.982	-	64.660.248.459	66.365.744.927
Tại ngày 31/12/2023	71.219.506.219	452.304.289	1.242.273.494	25.900.002	3.860.034.432	76.800.018.436

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 29.597.570.227 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 29.368.424.136 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	53.372.880	53.372.880
Tại ngày 31/12/2023	53.372.880	53.372.880
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	53.372.880	53.372.880
Tại ngày 31/12/2023	53.372.880	53.372.880
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	-	-
Tại ngày 31/12/2023	-	-

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với giá trị là 53.372.880 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là 53.372.880 VND).

15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	<u>Cơ sở hạ tầng</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2023	229.280.786.454	229.280.786.454
Tại ngày 31/12/2023	229.280.786.454	229.280.786.454
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2023	60.150.553.683	60.150.553.683
- Khấu hao trong năm	4.735.271.856	4.735.271.856
Tại ngày 31/12/2023	64.885.825.539	64.885.825.539
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2023	169.130.232.771	169.130.232.771
Tại ngày 31/12/2023	164.394.960.915	164.394.960.915

Chi tiết nguyên giá bất động sản đầu tư của Công ty như sau:

	<u>Nguyên giá</u>
	VND
Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 héc ta (i)	131.881.668.267
Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 héc ta (ii)	97.399.118.187
	229.280.786.454

(i) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 39,8 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 48 năm.

(ii) Bất động sản đầu tư thể hiện cơ sở hạ tầng trên diện tích đất 23 ha tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình của dự án Sao Mai Bến Đình đã hoàn thành năm 2009 và sau đó được thuê bởi Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí từ năm 2010. Bất động sản đầu tư này được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê là 49 năm.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc niên độ kế toán cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này vì Công ty nắm giữ bất động sản đầu tư dài hạn nhằm mục đích cho thuê để thu lợi ích và không có kế hoạch chuyển nhượng trong tương lai gần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
- Căn cứ Dịch vụ hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (i)	38.472.788.885	37.143.149.339
- Khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình (ii)	1.934.142.467	1.934.142.467
- Dự án khác	81.818.182	81.818.182
- Đầu tư mua sắm tài sản cố định	1.759.259.259	-
Cộng	<u>42.248.008.793</u>	<u>39.159.109.988</u>

(i) Các chi phí ban đầu (bồi thường, rà phá bom mìn, vật liệu nổ, dền bù giải phóng mặt bằng, ...) triển khai cho việc thực hiện đầu tư dự án Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quyết định của Ủy Ban Nhân dân (UBND) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đang tiếp tục thực hiện các thủ tục đầu tư, thanh toán tiền bồi thường giải phóng mặt bằng của dự án theo các hướng dẫn của UBND tỉnh (*thông tin bổ sung điều chỉnh dự án đầu tư xem tại thuyết minh số 34*).

(ii) Các chi phí đầu tư dở dang riêng cho dự án thành phần là khu Dịch vụ Dầu khí 35 ha Sao Mai - Bến Đình trong tổng diện tích đất đã được bàn giao đợt 1 cho Công ty.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>31/12/2023</u>		<u>01/01/2023</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	33.550.167.468	33.550.167.468	8.488.849.483	8.488.849.483
Công ty TNHH Hải Lưu	24.914.880.330	24.914.880.330	7.631.692.873	7.631.692.873
Công ty Cổ phần Thương mại Kỹ thuật Toàn Cầu	1.478.400.000	1.478.400.000	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Phúc Hưng Cons	3.731.653.298	3.731.653.298	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ thử không phá hủy	1.520.591.304	1.520.591.304	-	-
Nhà cung cấp khác	1.904.642.536	1.904.642.536	857.156.610	857.156.610
b) Các khoản phải trả người bán là bên liên quan	148.612.898	148.612.898	133.098.108	133.098.108
i) Bên liên quan - Thành viên PTSC:				
- Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Cơ khí Hàng Hải (PTSC-MC)	45.360.000	45.360.000	-	-
ii) Bên liên quan - Các thành viên thuộc Tập đoàn dầu khí (PVN):				
Công ty TNHH Khách Sạn Dầu Khí	97.434.848	97.434.848	111.498.000	111.498.000
Công ty Cảng Dịch Vụ Dầu Khí	5.818.050	5.818.050	21.600.108	21.600.108
Cộng	<u>33.698.780.366</u>	<u>33.698.780.366</u>	<u>8.621.947.591</u>	<u>8.621.947.591</u>

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tổng Công ty CP DV Kỹ thuật Dầu khí VN (PTSC) - Bên liên quan	2.088.752.956	-
Cộng	<u>2.088.752.956</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.781.722.258	2.048.832.709
Trích trước chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	2.749.375.999	1.783.519.109
Chi phí khác	2.032.346.259	265.313.600
b) Dài hạn	24.609.845	-
Trích trước chi phí ký quỹ bảo lãnh bảo hành công trình	24.609.845	-

20. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền Công ty được trả trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng tại Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, thành phố Vũng Tàu cho tổng thời gian thuê 48 năm, 49 năm tương ứng phần diện tích cho thuê. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm trong thời gian 48 và 49 năm kể từ thời điểm cho thuê.

Chi tiết số dư doanh thu chưa thực hiện của Công ty như sau:

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	5.203.799.784	5.203.799.784
Công ty Cổ phần Chế tạo giàn khoan Dầu khí	3.017.358.087	3.017.358.087
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	2.186.441.697	2.186.441.697
b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	175.460.564.144	180.664.363.928
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	99.572.816.889	102.590.174.976
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC- MS)	75.887.747.255	78.074.188.952

21. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Cổ tức phải trả	3.950.379.495	3.952.080.470
Các khoản phải trả khác	72.434.000	11.000.000
Cộng	4.022.813.495	3.963.080.470

22. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Số dư đầu năm	11.263.162.715	10.375.970.795
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	887.191.920	887.191.920
Số dư cuối năm	12.150.354.635	11.263.162.715

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận trên khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp của bất động sản đầu tư do có sự khác biệt về thời gian tính khấu hao theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính là 25 năm và thời gian tính khấu hao của Công ty áp dụng là 48 và 49 năm. Công ty hiện áp dụng thuế suất 20% là mức thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	500.000.000.000	44.351.392.969	9.417.579.654	553.768.972.623
Lãi trong năm	-	-	1.010.444.817	1.010.444.817
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(85.680.234)	(85.680.234)
Tại ngày 31/12/2022	500.000.000.000	44.351.392.969	10.342.344.237	554.693.737.206
Lãi trong năm	-	-	4.628.840.541	4.628.840.541
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	(101.044.482)	(101.044.482)
Tại ngày 31/12/2023	500.000.000.000	44.351.392.969	14.870.140.296	559.221.533.265

(i) Theo Nghị Quyết số 233/NQ-SMBĐ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, của Đại hội đồng Cổ đông của Công ty, các cổ đông đã phê duyệt phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 với số tiền là 101.044.482 VND.

Cổ phiếu	31/12/2023	01/01/2023
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	50.000.000	50.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	31/12/2023		01/01/2023	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	255.000.000.000	51%	255.000.000.000	51%
Phần vốn của các đối tượng khác	245.000.000.000	49%	245.000.000.000	49%
Cộng	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	31/12/2023	01/01/2023
USD	767.668,26	677.234,06

Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.530.000.000	10.530.000.000

Tại ngày 29 tháng 11 năm 2021, Sopewaco đã bị Tòa án Nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai ra Quyết định số 01/2021/QĐ-TBPS tuyên bố doanh nghiệp bị phá sản. Do đó, Công ty đã đánh giá khoản đầu tư này không thể thu hồi được và tiến hành xử lý tổn thất khoản đầu tư theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ

Hàng hóa, vật tư giữ hộ cho Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (“PTSC”) phục vụ sản xuất cho công trình Chế tạo và lắp đặt Suction Bucket (LID&SKIRT) tại thời điểm cuối năm:

STT	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Phẩm chất
1	Thép ống 114x6x1200mm (HFW Carbon steel Pipe API 5Lx52 PSL2, HN: SP47221) - 12pcs	Mét	144	Hàng mới chờ xuất kho thi công
2	Thép ống 114.3x8.6x1180mm (Tubular S355J2H, HN: DY660942-03 pcs)	Mét	35,4	Hàng mới chờ xuất kho thi công

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm dịch vụ như sau:

- Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí: Xây dựng công trình theo hợp đồng
- Bộ phận kinh doanh cụm cảng: Cho thuê cơ sở hạ tầng là bất động sản đầu tư và các dịch vụ đi kèm.
- Bộ phận kinh doanh hàng hóa: Kinh doanh máy móc, thiết bị phục vụ ngành dầu khí và hàng hải, phân bón, vật liệu xây dựng, hóa chất.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

a. Bảng cân đối kế toán:

Tại ngày 31/12/2023	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Tổng
	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa		
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	279.363.407.740	122.185.364.666	12.631.919.710	414.180.692.116
Tài sản không phân bổ				388.124.479.283
Tổng tài sản				802.305.171.399
Nợ phải trả bộ phận	199.305.760.167	32.049.181.683	1.820.057.475	233.174.999.325
Nợ phải trả không phân bổ				9.908.638.809
Tổng nợ phải trả				243.083.638.134
	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Tổng
Tại ngày 01/01/2023	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa		
	VND	VND	VND	VND
Tài sản bộ phận	280.048.716.455	12.606.053.379	16.136.244.729	308.791.014.563
Tài sản không phân bổ				471.668.833.475
Tổng tài sản				780.459.848.038
Nợ phải trả bộ phận	197.296.569.642	8.612.386.169	1.651.118.809	207.560.074.620
Nợ phải trả không phân bổ				6.520.680.587
Tổng nợ phải trả				214.080.755.207

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ (Tiếp theo)

b. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:

Năm 2023	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Tổng
	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	19.249.557.760	105.168.532.492	36.519.197.257	160.937.287.509
Giá vốn	16.953.980.104	101.756.350.157	34.593.151.963	153.303.482.224
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.295.577.656	3.412.182.335	1.926.045.294	7.633.805.285
Chi phí không phân bổ				(32.432.403.524)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(24.798.598.239)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				31.052.708.006
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				6.254.109.767
Lợi nhuận khác				(738.077.306)
Lợi nhuận trước thuế				5.516.032.461
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				4.628.840.541
Thông tin khác				
Khấu hao				8.396.489.281

Năm 2022	Bộ phận xây dựng các công trình phục vụ ngành dầu khí		Bộ phận kinh doanh hàng hóa	Tổng
	Bộ phận kinh doanh cụm cảng	Bộ phận kinh doanh hàng hóa		
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	17.187.989.455	29.704.758.400	120.898.391.278	167.791.139.133
Giá vốn	14.769.529.570	28.658.698.328	118.670.896.999	162.099.124.897
Kết quả kinh doanh bộ phận	2.418.459.885	1.046.060.072	2.227.494.279	5.692.014.236
Chi phí không phân bổ				(25.614.345.306)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(19.922.331.070)
Doanh thu từ hoạt động tài chính				21.990.336.565
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh				2.068.005.495
Lợi nhuận khác				(170.368.758)
Lợi nhuận trước thuế				1.897.636.737
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(887.191.920)
Lợi nhuận sau thuế				1.010.444.817
Thông tin khác				
Khấu hao				8.551.487.286

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam nên không có bộ phận theo khu vực địa lý cần báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	5.203.799.784	5.203.799.784
Doanh thu cung cấp dịch vụ	139.125.894.025	56.035.504.812
Doanh thu bán hàng hóa	16.607.593.700	106.551.834.537
Cộng	<u>160.937.287.509</u>	<u>167.791.139.133</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư và mặt bãi	4.735.271.856	4.735.271.856
Giá vốn cung cấp dịch vụ	132.264.687.856	51.424.272.973
Giá vốn bán hàng hóa	16.303.522.512	105.939.580.068
Cộng	<u>153.303.482.224</u>	<u>162.099.124.897</u>

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.566.064.744	4.866.726.091
Chi phí nhân công	85.829.350.390	40.222.626.784
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.396.489.281	8.551.487.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	56.268.444.687	25.193.085.134
Chi phí khác	6.845.028.618	4.846.185.225
Cộng	<u>180.905.377.720</u>	<u>83.680.110.520</u>

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, cho vay	30.702.600.001	21.602.437.747
Lãi chênh lệch tỷ giá	671.133.670	708.192.606
Cộng	<u>31.373.733.671</u>	<u>22.310.630.353</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí khấu hao TSCĐ	582.444.120	618.615.168
Cộng	<u>582.444.120</u>	<u>618.615.168</u>
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	18.926.761.379	13.733.890.395
Chi phí vật liệu quản lý	1.482.098.876	1.354.541.633
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.955.467.730	2.119.769.039
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.195.369.405	3.269.267.497
Các khoản chi phí QLDN khác	6.290.262.014	4.518.261.574
Cộng	<u>31.849.959.404</u>	<u>24.995.730.138</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	5.516.032.461	1.897.636.737
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(3.488.149.241)	(3.163.904.238)
Trừ: Chi phí được khấu trừ	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
- <i>Chênh lệch khấu hao</i>	(4.435.959.600)	(4.435.959.600)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ và điều chỉnh tăng	947.810.359	1.272.055.362
Thu nhập chịu thuế	2.027.883.220	(1.266.267.501)
<i>Chuyển lỗ</i>	<i>(2.027.883.220)</i>	<i>-</i>
Thu nhập tính thuế	-	(1.266.267.501)
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thông thường với tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản lỗ tính thuế là 1.275.275.839 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai.

Các khoản lỗ tính thuế mang sang của Công ty sẽ đáo hạn theo lịch biểu sau:

Năm phát sinh lỗ	Số lỗ	Kỳ chuyển lỗ	Số lỗ đã chuyển đến 31/12/2023	Số lỗ còn được chuyển	Tình hình quyết toán thuế
	VND		VND	VND	
2019	356.725.976	2020 - 2024	356.725.976	-	Chưa quyết toán
2021	1.680.165.582	2022 - 2026	1.671.157.244	9.008.338	Chưa quyết toán
2022	1.266.267.501	2023 - 2027	-	1.266.267.501	Chưa quyết toán
				1.275.275.839	

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.628.840.541	1.010.444.817
Trừ: Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	(462.884.054)	(101.044.482)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.165.956.487	909.400.335
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	83,32	18,19

(*) Theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính ("Thông tư 200"), lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu trên cổ phiếu không bao gồm số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi. Trong năm 2023, Ban giám đốc đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với số tiền là 101.044.482 VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2022 theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 233/NQ-SMBĐ-DHĐCD ngày 16 tháng 3 năm 2023. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã được trình bày lại để phù hợp với quy định của Thông tư 200 (lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 đã trình bày trên báo cáo năm trước là 20,21 VND).

Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2023 của Công ty được phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

	<u>31/12/2023</u>	<u>01/01/2023</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	593.100.000	593.100.000
Từ năm thứ 2 đến năm thứ 5	2.372.400.000	2.372.400.000
Trên 5 năm	17.199.900.000	17.793.000.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện: Tổng số tiền thuê phải trả cho việc thuê 5.000 m² tại bãi thi công của Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, theo phụ lục hợp đồng thuê được ký với thời hạn được tính từ ngày 01 tháng 11 năm 2016 đến ngày 31 tháng 12 năm 2057.

34. THÔNG TIN BỔ SUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN

i. Thông tin về các khoản nợ tiềm tàng

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đang trong quá trình tiếp tục xin điều chỉnh giấy phép đầu tư để dự án cảng Sao Mai Bến Đình (SM-BĐ) được công nhận là dự án cảng biển thuộc danh mục đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118/2015/NĐ-CP ban hành ngày 12 tháng 11 năm 2015 (“Nghị định 118” - được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021). Theo quy định tại Nghị định 46/2014/NĐ-CP ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2014 (“Nghị định 46”), các dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi được miễn tiền thuê đất trong 11 năm tiếp theo sau khi được miễn tiền thuê đất tối đa 3 năm trong giai đoạn xây dựng cơ bản (từ ngày 12 tháng 02 năm 2015 đến hết ngày 11 tháng 02 năm 2018).

Theo đó, Công ty không ghi nhận khoản tiền thuê đất theo các thông báo của Chi cục Thuế khu vực Vũng Tàu - Côn Đảo cho giai đoạn từ ngày 12 tháng 02 năm 2018 đến nay trên báo cáo tài chính các năm tương ứng. Trên cơ sở các văn bản chấp nhận chủ trương đầu tư của Chính phủ; Ủy ban nhân dân tỉnh và Văn bản hướng dẫn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; cũng như Văn bản hướng dẫn của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về điều chỉnh quy mô Dự án theo hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước; Công ty đang triển khai thực hiện thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư theo quy định hiện hành (*mục (ii) dưới đây*).

Công ty đánh giá và xác định rằng dự án Cảng Sao Mai Bến Đình mà Công ty đang triển khai sẽ được công nhận là dự án đầu tư đặc biệt ưu đãi theo quy định tại Nghị định 118 (được thay thế bởi Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021) nên sẽ được tiếp tục miễn tiền thuê đất theo Nghị định 46.

ii. Thông tin về điều chỉnh dự án đầu tư

Theo Nghị quyết số 74/NQ-SMBĐ-ĐHCD ngày 12 tháng 11 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông chấp thuận chủ trương điều chỉnh giảm quy mô dự án đầu tư: Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình với tổng diện tích sử dụng của dự án đầu tư sau điều chỉnh là 112,5 ha (diện tích dự án đầu tư trước điều chỉnh là 161,5 ha). Mục đích điều chỉnh giảm quy mô dự án để thực hiện Quyết định số 586/QĐ-TTg ngày 17 tháng 5 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với quy hoạch chung thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến năm 2035, các quy định hiện hành và tình hình thực tế của Công ty. Công ty đã thực hiện lập hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án căn cứ dịch vụ hàng hải dầu khí Sao Mai - Bến Đình theo quy định của Luật đầu tư 2020 và đang tiếp tục liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được xem xét đẩy nhanh thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư để được hưởng ưu đãi đầu tư.

Đến thời điểm phát hành báo cáo, Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn đang tập hợp ý kiến thẩm định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án của các Bộ, Ngành liên quan để phản hồi cho Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các số dư và giao dịch đã được trình bày trong các thuyết minh số 6,7,16,18 và 21; trong năm, Công ty còn các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC	96.135.144.689	1.685.565.376
PTSC - M&C	20.153.927.204	26.147.970.400
PV Shipyard	11.586.802.845	10.303.408.987
PTSC - POS	310.797.630	385.400.510
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	7.351.957.285	6.523.602.493
Mua hàng hóa, dịch vụ		
Các thành viên thuộc PTSC		
PTSC - Hotel	622.425.745	543.126.527
PTSC - M&C	75.160.000	38.000.000
PTSC - SB	2.156.211.909	138.787.150
PTSC - Đà Nẵng	1.296.000	-
PV Shipyard	2.720.270.690	1.445.280.830
Các thành viên thuộc PVN		
PVC - MS	-	27.051.000
PV Gas South	4.381.404.300	91.491.823.923
PVI Vũng Tàu	345.148.149	421.641.324

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành được hưởng trong năm như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I.	Hội đồng Quản trị		608.816.203	736.559.775
1	Phạm Văn Hùng	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 7/9/2023)	6.000.000	-
2	Trần Hải Bình	Chủ tịch	530.816.203	664.559.775
3	Nguyễn Việt Đạt	Thành viên	-	9.000.000
4	Đặng Thanh Hải	Thành viên	36.000.000	36.000.000
5	Trần Xuân Tài	Thành viên	36.000.000	27.000.000
II.	Ban điều hành		1.950.704.742	2.356.996.624
1	Phùng Như Dũng	Giám đốc	663.951.881	664.418.866
2	Đặng Đức Hồi	Phó Giám đốc	365.294.091	565.377.357
3	Trần Đức Hạnh	Phó Giám đốc	496.642.840	500.471.237
4	Trần Chí Dũng	Phó Giám đốc	-	199.552.600
5	Phạm Minh Vĩ	Kế toán trưởng	424.815.930	427.176.564
III.	Ban kiểm soát		444.328.657	451.176.564
	Cộng		3.003.849.602	3.544.732.963

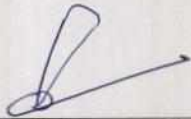
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

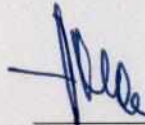
36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền thu lãi tiền gửi trong năm không bao gồm số tiền 4.350.876.714 VND (năm 2022: 5.843.613.704 VND), thể hiện khoản thu nhập từ lãi tiền gửi chưa nhận được tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 nhưng đã bao gồm 5.843.613.704 VND là lãi tiền gửi dự thu năm trước nhận được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải thu.

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 5.101.006.387 VND là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng giảm các khoản phải trả.



Phạm Thị Hương Giang
Người lập biểu



Phạm Minh Vĩ
Kế toán trưởng



Phùng Như Dũng
Giám đốc

Vũng Tàu, ngày 28 tháng 03 năm 2024